

PHÁP UYỂN CHÂU LÂM

QUYỂN 100

Thiên thứ 100: TRUYỀN KÝ

Thiên này có 6 phần: Thuật ý, Phiên dịch, Tập tập, Bát nhã, Hưng phước, Lịch toán.

Phần thứ nhất: THUẬT Ý.

Từng nghe: Dấu tích chín dòng sông-thể tre giấu gò thiêng, nối tiếp giữa bốn đường-sách cất giữ châu ngọc. Cũng có văn khắc đá của Tam Hoàng ở đồi xanh-phủ tím, chữ linh thiêng của Lục Giáp ở thể lục-dây vàng, lễ nào như bí tạng của Như Lai ví bằng ngọc sáng kia, bệ thầy của chư Phật giống như gương sạch ấy? Pháp Tứ Đế ở Lộ Uyển, văn Bát Tạng ở Ni Viên, sức mạnh to lớn của Hương Sơn há nói là có thể gánh nổi, hộp nhỏ quý báu của Long Cung cũng chưa hẳn có thể tính được. Bởi lẽ Đức Thích Ca-bậc thầy của chúng ta, gốc phước đức sâu dày gieo trồng từ thuở đầu của ba kỳ, quả vi diệu cao xa thành tựu vào cuối thời của trăm kiếp, lấy toàn bộ pháp giới mà làm trí, dùng tất cả hư không để làm thân, há chỉ có nhận lấy sức lực của trời đất-chu toàn đạo lý của vạn vật mà thôi ư? Vì vậy thân không nơi nào không có, mức lượng cuối cùng vượt ngoài quy củ, trí không có gì không làm, tác dụng tuyệt vời làm sao nghĩ bàn, không thể dùng việc người mà biết được, há có thể lấy xứ sở mà bàn ư? Chính là bậc Đại Sư của ba cõi, đi một mình giữa muôn đời. Tôi tự mình là kẻ bất tài, thì bàn luận làm sao hết được? Dù cho Chu Công chế lễ soạn nhạc, Khổng Tử nói Dịch khắc thơ, ngôn ngữ của Dư Tứ, văn học của Thương Yển, cho đến tả Nguyên-Phóng Cát-Tiên Tử-hà Thượng Công-Trụ Hạ Sử, đều chạy theo ở phía bên trong, đâu đủ để bàn luận ư? Tự hàm lnh chúng ta hết phước, đáng Pháp Vương ra đi từ đây, liền đưa đầu hướng về phía Bắc, bên sông A Lợi La Bạt Đề, xuân thu vừa tám mươi tuổi rồi. Ứng thân vỡ nát, máu chảy tìm đâu? Tranh nhau giải quyết nghi ngờ sau cuối, giành nhau hầu hạ cúng dường lâm chung. Than ôi! Đuối Trí-mây Từ tiêu diệu, đàn con đêm dài thật đáng thương xót! Thế là nhìn tướng tốt ở Hương Đàn, nhớ

dấu tích nơi Bối Diệp, thọ trì Tam Tạng, bổ xứ Tứ Y, mà phong thái bậc Thầy của chúng ta không hề suy sụp, nhưng Chánh pháp-Tương pháp gần thay đổi tình người bạc bẽo, thế hệ con người nay-xưa đến thời kỳ cuối. Đã hướng về phía Bắc, sau lại dần về Đông, cho nên Lưu Trang ngủ mộng thấy người vàng, Thái Âm khuyên chờ đợi Ma Đăng, Di Giáo lưu truyền đến đất Hán, bắt đầu mở rộng từ lúc này, đến nay hơn sáu trăm năm rồi. Từ đó về sau Khương Tăng Hội, Trúc Pháp Hộ, Phật Đồ Trừng, Cưu Ma La Thập, kế tục theo nhau truyền bá nghi thức, ra sức khơi thông dòng chảy Phương Đăng, liền khiến cho bạn bè của Đạo Sanh-Đạo An, học trò của Tuệ Nhiêm- Tuệ Quán, đều có thể lặng im tiếng tìm nhau cùng quay về. Cho đến triều đại nhà Đường, Pháp sư Huyền Trang đức hạnh muôn đời sáng rực-danh tiếng cao vút trời mây trải qua lần lượt các nước, một trăm năm mươi xứ sở, phiên dịch tất cả kinh luận, gồm một ngàn năm trăm quyển, tất cả đều rất tốt đẹp, thật đáng ca ngợi vô cùng, kinh quyển quý báu trước sau, hầu như gần năm ngàn cuốn, pháp môn mở rộng khắp nơi, thiền môn phát sinh mạnh mẽ, đạo tục được hưởng lợi ích, làm sao có thể nói hết! Tôi thưở trẻ học tập văn chương chuẩn mực của Chu Khổng, cuối đời ngưỡng mộ lời lẽ sâu xa của Hoàng Lão, đều thật sự không vượt qua được dòng sông đau khổ, mà hãy còn sa vào trong ngôi nhà ngùn ngụt lửa! Thật là lâu dài-thật là rộng lớn, điều ấy chỉ có Phật giáo mới giúp độ thoát mà thôi! Thật sự là mong mỗi rửa sạch bụi bặm của bao đời trước, nhờ vào dấu tích xa xôi của bậc tài đức, quay về với Chánh đạo ày, tự thoát khỏi vũng bùn sâu, vốn gọi là người thanh thản lu dục, viên tướng giỏi phá tan mọi quân tà. Tôi vui mừng kết thân làm bạn, điều ấy nói là ở đây vậy. Nay nêu ra thế hệ phiên dịch trước sau, toàn bộ có mười tám thế hệ đã dịch ra các kinh hơn năm ngàn quyển. Phật pháp truyền đến phương Đông ba lần giáo pháp bị tiêu diệt, mất đi bản dịch từ kinh gốc, ba trăm mười bộ gồm có năm trăm ba mươi tám quyển. Nay ở đây nêu ra toàn bộ, kể lại niên đại của các Đế Vương, kinh điển của Đại-Tiểu thừa và cương yếu của từng bộ hộp, ghi lại đầy đủ người và pháp gửi gắm vào Đại Bản, và thuật lại hàng đạo tục tài trí đức hạnh học rộng xưa nay, dựa vào kinh Phật, đã đưa ra Bách Gia Chư Tử xưa nay có hơn ba ngàn quyển. Lại nêu ra hàng Đế Vương trước sau phát huy phước thiện nhiều ít, đồng thời nêu ra niên đại ẩn hiện của Đức Phật giáng sanh ở cõi Diêm Phù, sơ lược tính theo thời gian. Sử dụng nội dung quan trọng như vậy cùng kèm theo sau đó, ngõ hầu các bậc trí tuệ tương lai cùng xem xét ghi nhận!

Phần thứ hai: PHIÊN DỊCH

Trộm nhìn từ thế hệ trước có kinh đến nay, các bậc hiền đức ghi lại, cứ mỗi lần nói đến sự phiên dịch, không có ai không nói là dịch tiếng Hồ thành tiếng Hán. Vả lại, 9 châu ở Đông Hạ gọi tây Vực là Thiên Trúc, đó là tên gọi chung. Hoặc gọi là Thân Độc. Như tiếng Phạn gọi phương này là Chỉ Na, hoặc gọi là Chân Đan, hoặc gọi là Chấn Đán. Đây là bởi vì thuận theo tiếng nói mà có Sở-Hạ vậy thôi. Nếu xác đáng thì gọi là Hán, Hán là chỉ cho họ Lưu trong hai đời cùng một hiệu, về sau nhường ngôi thì Ngụy-Tấn không giống nhau, cần phải dựa vào Đế Vương xưng gọi để phân biệt rõ ràng. Nay bởi vì ghi lại điều này mà biết cải chính. Nhưng gọi là Hồ thì lẫn lộn với người Nhung, chính là tộc người ở biên giới phía Tây, tương tự phương này có tộc người Khương-Man-Di, sao có thể kinh sách mà lại nói là tiếng Hồ? Đức Phật giáng sanh tại Thiên Trúc, Sĩ tộc Bà la môn ở xứ ấy, gọi chung là Phạm. Phạm là thanh tịnh, con cháu thừa kế của trời Quang Âm Sắc. Trời Quang Âm ấy, thì cõi Phạm Thế là cõi thấp nhất, thời kỳ bắt đầu của kiếp được thành tựu, đến nơi này ăn đất có vị ưa thích, thân trở thành nặng nề không trở về được, vì vậy mà làm loài người, vẫn dùng tên gọi vốn có của mình, cho nên gọi là Phạm. Ngôn ngữ và chữ viết đã giống như cõi trời, vì vậy xứ sở ấy gọi là Phạm thư-Phạm ngữ. Như ngày xưa Tăng đều gọi theo tục tánh (họ của thế tục), nói là Thích Ca, thì bắt đầu từ thời nhà Tần, có Sa môn Thích Đạo An, lúc ấy một mình vượt hẳn lên, lại có sự tỏ ngộ siêu phàm, mới nói rằng: Đã giữ lấy hình tướng đầu tròn áo vuông kế thừa dòng dõi Thích Ca, con tuy khác cha mà dòng họ không khác nhau, nay người xuất gia thì đương nhiên đều gọi là Thích Tử. Đến khi phiên dịch bộ kinh Tứ Hàm, quả nhiên nói là 4 chủng tánh xuất gia cùng chung một dòng họ Thích, khiến cho mọi người đều tán phục. Bốn chủng tánh ấy là: 1- Sát đế lợi, đây là dòng dõi vua chúa; 2- Bà la môn, là người có phẩm hạnh cao xa; 3- Tỳ xá, như dân chúng ở xứ sở này; 4- Thủ Đà, là hạng thấp hèn nhất, như hạng tôi tớ ở đất nước này. Nhưng mà Đạo An đang ở thời đại của tấn-tần, san định lại mục lục, chú giải và tóm lược các kinh, tự gọi là Di Thiên, theo phép tắc của thời kỳ cuối, hãy còn nói là dịch từ tiếng Hồ thành tiếng tần. Đây cũng là một mảnh nhỏ của Côn Sơn, chứ chưa đạt đến điểm cao tốt đẹp nhất. Nhưng bắt đầu từ những nơi có ngôn ngữ của dân tộc Hồ, đều dùng chữ Phạm để thay thế, ngõ hầu người có trí tuệ sau này, bàn luận thông thạo để đạt được sự chính xác thật sự của ngôn ngữ vậy.

Triều đại nhà Hậu Hán truyền cho đạo tục gồm mười hai người

phiên dịch, đã dịch ra các kinh luật gồm ba trăm ba mươi bốn bộ có bốn trăm mười sáu quyển, kinh mất bản dịch có một trăm hai mươi lăm bộ gồm một trăm bốn mươi tám quyển.

Triều đại nhà Tiêu Ngụy truyền cho Tăng gồm sáu người phiên dịch, đã dịch ra các kinh luật gồm mười ba bộ có hai mươi bốn quyển.

Triều họ Tôn-Nam Ngô truyền cho đạo tục gồm bốn người phiên dịch, đã dịch ra kinh truyện gồm một trăm bốn mươi tám quyển, kinh mất bản dịch có một trăm mười bộ gồm hai trăm chín mươi một quyển.

Triều đại nhà tây Tấn truyền cho đạo tục gồm mười ba người phiên dịch, đã dịch ra các kinh giới gồm bốn trăm năm mươi một bộ có bảy trăm mười bảy quyển, kinh mất bản dịch có tám bộ gồm mười lăm quyển.

Triều đại nhà Đông Tấn truyền cho đạo tục gồm hai mươi bảy người phiên dịch, đã dịch ra kinh truyện gồm hai trăm sáu mươi ba bộ có năm trăm tám mươi lăm quyển, kinh mất bản dịch có năm mươi ba bộ gồm năm mươi sáu quyển.

Triều họ Phù-Tiên Tần truyền cho Tăng gồm tám người phiên dịch, đã dịch ra các kinh truyện gồm bốn mươi bộ có hai trăm ba mươi tám quyển.

Triều họ Khất Phục-Tây Tần truyền cho Tăng chỉ có một người phiên dịch, kinh đã dịch ra gồm mười bốn bộ có hai mươi một quyển, kinh mất bản dịch có tám bộ gồm mười một quyển.

Triều họ Diêu-hậu tần truyền cho Tăng gồm tám người phiên dịch, kinh truyện đã dịch ra gồm một trăm hai mươi bốn bộ có sáu trăm sáu mươi hai quyển.

Triều họ Tữ Cừ-bắc Lương truyền cho đạo tục gồm tám người phiên dịch, kinh truyện đã dịch ra gồm ba mươi hai bộ có hai trăm hai mươi bốn quyển, kinh mất bản dịch có năm bộ gồm mười bảy quyển.

Triều đại nhà Tống truyền cho đạo tục gồm hai mươi ba người phiên dịch, kinh truyện đã dịch ra gồm hai trăm mười chín bộ có bốn trăm chín mươi quyển.

Triều đại nhà Tiền tề truyền cho đạo tục gồm mười chín người phiên dịch, kinh truyện đã dịch ra gồm bốn mươi bảy bộ có ba trăm bốn mươi sáu quyển.

Triều đại nhà Lương truyền cho đạo tục gồm hai mươi một người phiên dịch, kinh luật và truyện đã dịch ra gồm chín mươi bộ có bảy trăm tám mươi quyển.

Triều họ Nguyên – hậu Ngụy truyền cho đạo tục gồm mười ba

người phiên dịch, kinh luận và truyện ký đã dịch ra gồm tám mươi bảy bộ có ba trăm lẻ hai quyển.

Triều họ Cao-hậu tề truyền cho đạo tục gồm hai người phiên dịch, kinh luận đã dịch ra gồm bảy bộ có năm mươi ba quyển.

Triều họ Vũ Văn – Hậu Chu truyền cho đạo tục gồm mười một người phiên dịch, kinh luận và thiên văn đã dịch ra gồm ba mươi bộ có một trăm lẻ bốn quyển.

Triều đại nhà Trần truyền cho đạo tục gồm ba người phiên dịch, kinh luận và truyện sơ đã dịch ra gồm bốn mươi bộ có ba trăm bốn mươi bảy quyển.

Triều đại nhà Tùy truyền cho đạo tục hơn hai mươi người phiên dịch, kinh luận đã dịch ra hơn chín mươi bộ có hơn năm trăm mười quyển.

Hoàng triều truyền cho các vị Tăng gồm mười một người phiên dịch, những kinh luận đã dịch ra hơn hai trăm bộ gồm có hơn 1 năm trăm quyển.

Còn các kinh-luật-truyện gồm tám trăm bộ [có ba ngàn ba trăm sáu mươi một quyển, tất cả là 56.170 tờ] ba trăm hai mươi sáu hộp [trừ ra số kinh mới phiên dịch].

Kinh Đại thừa dịch một lần gồm hai trăm lẻ bốn bộ (có sáu trăm tám mươi tám quyển-11.042 tờ) sáu mươi sáu hộp.

Kinh Đại thừa phiên dịch lại gồm hai trăm lẻ hai bộ (có bốn trăm chín mươi bảy quyển-7.290 tờ) bốn mươi chín hộp.

Kinh Tiểu thừa dịch một lần gồm một trăm lẻ tám bộ (có bốn trăm ba mươi tám quyển-6.690 tờ) bốn mươi chín hộp.

Kinh Tiểu thừa phiên dịch lại gồm chín mươi sáu bộ (có một trăm mười bốn quyển-chín trăm chín mươi chín tờ) sáu hộp.

Luật Tiểu thừa gồm ba mươi tám bộ (có hai trăm bảy mươi bốn quyển-5.813 tờ) hai mươi tám hộp.

Luận Đại thừa gồm bảy mươi bốn bộ (có năm trăm lẻ hai quyển-9.130 tờ) năm mươi hai hộp.

Luận Tiểu thừa gồm ba mươi ba bộ (có sáu trăm bảy mươi sáu quyển-12.177 tờ) 68 hộp.

Hiền Thánh Tập truyện gồm bốn mươi chín bộ (có một trăm tám mươi bốn quyển-2.808 tờ) mười tám hộp.

Phần thứ ba: Tập Tập.

Từ vườn Lộc Dã (Tiên Uyển) công việc đã xong, đến sông Kim Sa

(Kim Hà) yên lặng vượt qua, văn tự diễn đạt đầy đủ các loại, đưa đường dẫn lối giúp người được thoát, tùy theo căn cơ mà thiết lập phương pháp, thuận với tính cách mà nói rõ thanh giáo, cả cuộc đời giáo hóa phủ toàn bộ Đại thiên, người tiếp nhận đạo lý ấy khó mà chỉ trích, người truyền đạt tông chỉ ấy dễ dàng hiểu rõ. Như ý có thể lưu truyền khắp nơi Đông Hạ, thời gian trải qua đã sáu trăm năm, phiên dịch kinh pháp thành tiếng địa phương, số quyển gồm có năm ngàn; đạo tục tài năng xuất chúng, dựa vào tông chỉ Thánh Hiền, văn đã phiên dịch ghi lại gồm có hơn ban ngàn quyển, trang nghiêm Phật pháp ruyền bá mở rộng Thánh giáo, văn từ sáng rực-ý nghĩa sâu xa tuyệt vời thật là đáng quý. qua bao thời đại ẩn hiện, bộ-hộp thất lạc tản mát, tuy rằng có số lượng lớn, nhưng không đủ là số nhiều, tìm hiểu khắp Trường An thì giảm mất đến cả ngàn quyển, chỉ nghe trong chùa Đông Lâm thuộc vùng Lư Sơn, tức là chốn Già lam do Pháp sư Tuệ Viễn thời nhà Tấn lập nên, duy trì và nắm giữ bộ phận chủ yếu của tất cả các kinh cùng với các loại khác (tạp tập), tất cả làm thành tạng riêng biệt và sắp xếp rất đầy đủ, người làm công việc trông coi quản lý canh giữ vô cùng nghiêm ngặt cẩn thận, lại thay thế lẫn nhau trao truyền và tiếp nhận số lượng, nghĩ rằng sau này giáo pháp hủy diệt thì biết giáo còn đầy đủ ở đây. Nay thuận theo những gì đã thấy nghe, đưa ra đây đủ như dưới đây (Sau này có người thấy được điều gì. Mong rằng bổ sung vào nơi ấy).

+ Kỳ Xà Quật Sơn Giải (xem trong Tăng Hựu Lục), Chúng Kinh Mục. Hai bộ này do Sa môn Trúc Pháp Hộ thời Tây Tấn đưa ra.

+ Luận-Tức Sắc Du Huyền, Luận-Biện tam Thừa, Luận-Thích Mông, Luận-Thánh Bất Biện Tri, Đạo Hành Chỉ Quy, Bốn nghiệp Tứ Đế Tự (tựa), Bốn Khởi Tứ Đế Tự. Bảy bộ này có bảy quyển, đến thời Ai Đế nhà Đông Tấn, Sa môn Chi Độn (tự là Đạo Lâm) soạn ra.

+ Tù Đàm Chỉ Quy. Một quyển này, vào thời Ai Đế nhà Tấn, Sa môn Trúc Tăng Kiên soạn ra.

+ Lịch Du Thiên Trúc Ký truyện, có một quyển. Một quyển này, vào thời Đông Tấn, Sa môn Thích Pháp Hiển ở Bình Dương soạn ra.

+ Luận-Pháp Tánh, Luận-Minh Báo Ứng, Luận-Thích Tam Báo, Luận-Biện Tâm Thức, Luận-Bất Kính Vương Giả, Luận-Sa Môn Đản Phục, Tán-Phật Ảnh, Tựa-Kinh Diệu Pháp Trí Độ, Đại Trí Độ Luận Yếu Lược Sao hai mươi quyển, Vấn Đại thừa Trung Thâm Nghĩa Thập Bát Khoa và La Thập Pháp Sư Đáp. Mười ba bộ này, toàn bộ có 3 năm quyển, vào thời Tấn Hiếu Vũ và Tấn An Đế, Sa môn Thích Tuệ Viễn ở Lư Sơn soạn ra.

+ Luận-Thần Vô Hình, có một quyển. Một quyển này, vào thời Đế nhà Đông Tấn, Sa môn Thích Tăng Phu ở chùa Ngõa Quan-Dương Đô soạn ra.

+ Tử chú kinh Duy Ma Cật – năm quyển, Luận-Cùng Thông. Hai bộ này có sáu quyển, vào thời Hiếu Vũ Đế nhà Tấn, Sa môn Thích Đàm Sần (là đệ tử của Pháp sư Tuệ Viễn) ở chùa Đông Lâm-Lư Sơn soạn ra.

+ Luận-Nhân Vật Thử Nghĩa. Luận này có một quyển, vào thời Tấn Vũ Đế, Sa môn Thích Pháp Sướng soạn ra.

+ Truyện-Cao Dật Sa Môn. Truyện này có một quyển, vào thời Hiếu Vũ Đế nhà Tấn, Sa môn Thích Pháp tế ở Mào Sơn-Diệm Đông soạn ra.

+ Chín thiên của luận Lập Bản, mười hai bài của Lục Thức Chỉ Quy. Hai quyển này, vào thời Hiếu Vũ Đế nhà Tấn, Sa môn Thích Đàm Vi ở chùa Thượng Minh-Kinh Châu soạn ra.

+ Truyện-Mã Minh Bồ Tát, truyện-Long Thọ Bồ Tát, truyện-Đề bà Bồ Tát, luận-Thật Tướng (Pháp sư La Thập chú giải). Bốn quyển này, đến thời Tấn An Đế nhà hậu Tần, Pháp sư Cư Ma La Tập người nước Thiên Trúc dịch và soạn ra.

+ Luận-Bát Nhã Vô Tri, Luận-Bất Chân Không, Luận-vật Bất Thiên, Luận-Niết bàn Vô Danh. Bốn quyển này, vào thời Tấn An Đế, Sa môn Thích Tăng Triệu ở vùng Kinh Triệu soạn ra.

+ Luận- Thích Bác. Luận này có một quyển, vào thời Tấn An Đế, Sa môn Thích Đạo Thường soạn ra.

+ Luận-Thiện Bất Thọ Báo, Luận- Phật Vô Tịnh Độ, Luận-Ứng Hữu Duyên, Luận-Đốn Ngộ Thành Phật, Luận-Phật Tánh Đương Hữu, Luận-Pháp Thân Vô Sắc, Luận-Nhị Đế. Bảy quyển này, đến đầu triều đại nhà Tống, Sa môn Trúc Đạo Sinh ở chùa Long Quang soạn ra.

+ Tam bảo Ký-hai mươi quyển, Tịnh trú tử-hai mươi quyển, Tuyên Minh Nghiệm-ba quyển, Tạp Nghĩa Ký-hai mươi quyển. Bốn bộ này gồm có sáu mươi ba quyển, Tư đồ cánh lừng Văn Tuyên Vương-Tiêu Tử Lương thời nhà Tề soạn ra.

+ Luận-Thừa Thiên Đạt Tánh, Oan Hôn Chí-hai quyển, Giới Sát Huấn-1 quyển. Ba bộ này, Quang lộc đại phu Nhan Chi Thời thời nhà Tề soạn ra.

+ Luận- Thuật Tăng Trung Thực, một quyển. Một bộ này do Thẩm Hưu Văn thời Nam tề soạn ra.

+ Minh Tường Ký, mười quyển. Một bộ này do Vương Diễm thời

nhà Tề soạn ra.

+ Xuất Tam Tạng tập Ký-mười sáu quyển, Pháp Uyển tập-mười lăm quyển, Hoàng Minh Tập-mười bốn quyển, Thế Giới Ký-mười quyển, Tát Bà Đa Sư Tư Truyện-năm quyển, Thích Ca Phổ – bốn quyển, Đại Tập Đẳng Tam Kinh Ký, Hiền Ngu Kinh Ký, Tập Tam Tạng Nhân Duyên Ký, Luật Phần ngũ Bộ Ký, Kinh Lai Hán Địa Tứ Bộ Ký, Luật Phần Thập Bát Bộ Ký, Thập Tụng Luật ngũ Bách La Hán Ký, Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa Ký. Mười bốn bộ nàt gồm bảy mươi hai quyển, đến triều đại nhà Lương do Sa môn Thích Tăng Hựu ở chùa Kiến An-Dương Châu soạn ra.

+ Chúng Kinh Yếu lăm Pháp Kệ, có hai mươi mốt bài. Một quyển này vào thời Lương Vũ Đế, Sa môn Thích Đạo Hoan soạn ra.

+ Khởi Tín Luận Sớ, hai quyển. Một bộ này vào năm thứ tư thời Lương Thái Thanh, Pháp sư Chân Đế soạn ra.

+ Chúng Kinh Yếu Sao-một bộ và Mục Lục mười tám quyển. Một bộ này do Lương Vũ Đế ban sắc chỉ cho các Sa môn như Thích Tăng Mân... chùa Trang nghiêm, ở chùa Định Lâm Thượng soạn ra.

+ Hoa Lâm Phật Điện Chúng Kinh Mục Lục-bốn quyển. Một bộ mục lục này có bốn quyển, do Lương Vũ Đế ban sắc chỉ cho Sa môn Thích Tăng Thiệu chùa An Lạc soạn ra.

+ Kinh Luật Di Tướng- 1 bộ và Mục Lục gồm năm mươi lăm quyển, Danh Tăng Truyện và lời tựa cùng mục lục gồm ba mươi mốt quyển, Chúng Kinh Cúng Thánh Tăng Pháp-năm quyển, Chúng Kinh Mục Lục-bốn quyển, Chúng Kinh Hộ Quốc Thần Danh Lục-ba quyển, Chúng Kinh Chư Phật Danh-ba quyển (soạn ra trong 1sáu năm), Chúng Kinh Ứng Hộ Quốc Độ Chư Long Danh Lục-1 quyển, Chúng Kinh Sám Hối Diệt Tội Pháp-ba quyển, Xuất Yếu Luật Nghi-hai mươi quyển. Chín bộ này gồm có 1hai mươi hai quyển, Lương Vũ Đế ban sắc chỉ cho các Sa môn Thích Bảo Xướng... chùa Trang nghiêm soạn và thu thập.

+ Đại Bát Niết bàn Kinh Tử Chú, một bộ bảy mươi quyển. Một bộ này có bảy mươi quyển, triều đại nhà Lương có Sa môn Thích Tuệ Minh chùa Kiến An chú thích.

+ Nghĩa Lâm, một bộ tám mươi quyển. Một bộ này có tám mươi quyển, Giản Văn Đế triều nhà Lương ban sắc chỉ cho Sa môn Thích Trí Tạng cùng hai mươi Đại đức chùa Khai Thiện soạn ra.

+ Nội Điển Bác Yếu, 1 bộ bốn mươi quyển. Một bộ này có bốn mươi quyển, Vương Ký Thất và Ngu Hiếu Kính ở Tương Đông soạn ra rất giống nhau, nhà vua xem tướng tự đẳng cấp cao quý, sau được xuất

gia đổi tên là Tuệ Mạng.

+ Cao Tăng Truyện, một bộ gồm mười bốn quyển và mục lục. Một bộ này, vào triều đại nhà Lương có Sa môn Thích Tuệ Giáo chùa Gia Tường vùng Cối Kê soạn ra.

+ Phạt Ma Chiếu-một quyển. Một bộ này do Tăng Hội thời nhà Lương soạn ra.

+ Chuyển Pháp Luân Luận, một bộ mười tám quyển. Một bộ này có mười tám quyển, triều đại nhà Lương ban sắc chỉ cho các Đại Đức và các Học Sĩ soạn ra.

+ Bà La Môn Thiên Văn, một bộ hai mươi quyển. Một bộ này có hai mươi quyển, niên hiệu Thiên Hòa-Lương Vũ Đế, Sa môn Thích Đạt Ma và Pháp Sư Lưu Chi nước Ma Lặc dịch ra.

+ Đại Phẩm Kinh Tử Chú, một bộ năm mươi quyển. Một bộ này do Lương Vũ Đế chú thích.

+ Pháp Bảo Liên Bích- hai trăm quyển. một bộ này do Giản Văn Đế nhà Lương tức là Tiêu Cương, ban ngày vào trong trũ Cung, tự mình xem trong kinh luận, chỉ huy xét định phân loại, chỉ thị cho các Học sĩ biên chép liên tục mà thành, có mở rộng và tóm lược giống như Hoa lâm.

+ Kinh Sư Tháp Tự Ký, một bộ hai mươi quyển. Một bộ này, triều nhà Lương có Thương thụ Binh bộ lang trung cùng Sử quán Học sĩ Lưu Cù nhận sắc chỉ soạn ra.

+ Luận-Thần Bất Diệt có một quyển. Một bộ này, triều nhà Lương có Trịnh Đạo Tử soạn ra.

+ Bà Tẩu Bàn Đậu Truyện-một quyển, Phiên Ngoại Quốc Ngữ-7 quyển, Chúng Kinh Thông Tự-hai quyển. Ba bộ này gồm có mười quyển, triều nhà Trần có Tam tạng Pháp sư Câu Na La ở nước Ưu Thiên Ni thuộc Tây Thiên Trúc, thời Trần phiêu là Chân Đế, dịch ra.

+ Lạc Dương Địa Già Lam Ký, một bộ năm quyển. Một bộ này có năm quyển, đến thời Nguyên Ngụy ở Nghiệp Đô có Dương Huyền Chi giữ quận thành soạn ra trong một năm tròn.

+ Luận-ngũ Minh (Thanh minh-Y phương-Công xảo-chú thuật và nhân minh). Năm luận này, đến thời Ngụy Minh Đế, có Tam tạng Luật sư Nhưống Đa Bạt Đà La người nước Ba Đầu Ma cùng với Xà Na Da Xá, ở tại thành cũ Trường An dịch ra.

+ Chu Chúng Kinh Yếu-hai mươi hai quyển, Nhất Bách Nhị Thập Pháp Môn-một quyển. Hai bộ này gồm hai mươi ba quyển, Thừa tướng nhà Ngụy là Vương Vũ Văn Hắc Thái chỉ thị cho Sa môn Thích Đàm

Hiển cùng soạn ra.

+ Thích Lão Tử Hóa Hồ Truyện-một quyển, Thập Bát Điều Nạn Đạo Chương-một quyển. Hai quyển này, vào triều nhà Chu có Sa môn Thích Tăng Mãnh chùa Nguyễn Quả-Tân Châu soạn ra.

+ Luận-Tán Hoa, một bộ tám quyển. Một bộ này có tám quyển, vào thời nhà Chu có Sa môn Thích Tuệ Thiện chùa Thê Huyền-Dương Châu soạn ra.

+ Luận-Chí Đạo, luận-Thuần Đức, luận-Khiển Cháp, luận-bất Sát, luận-Khứ Thị Phi, luận-Tu Không, luận-Ảnh Dụ, minh-Pháp Giới Bảo Nhân, Văn-Yếm Thực Tướng, truyện-Tăng Nha Bồ Tát, truyện-Thiền Pháp Sư, truyện-Nghiệm Thiện tri Thức. Mười hai bộ này gồm mười hai quyển, triều nhà Chu thời Vũ Đế, có Sa môn mất tên biên soạn.

+ Tam bảo tập, một bộ mười một quyển. Một bộ này có mười một quyển, triều nhà Chu thời Vũ Đế, có Sa môn Thích Tịnh Ái dựa theo các kinh soạn ra.

+ Luận-Tam Giáo, một quyển. Một quyển này, triều nhà Chu thời Vũ Đế, Sa môn Thích Đạo An soạn ra.

+ Luận-Tiểu Đạo, một bộ ba quyển. Một bộ này có ba quyển, triều nhà Chu thời Vũ Đế ban chỉ cho Tư Lệ-Mẫu Cực-Bá Chân-Loan Thuyên trước khi tiến hành nhận định về Phật giáo và Đạo giáo.

+ Chu Cao Tổ Vấn Nạn Phật pháp, một bộ hai quyển. Một bộ này có hai quyển, Chu Vũ Đế cùng với Tăng ở Nghiệp Đô trước kia nhận lời Đạo Lâm bàn luận, Vũ Đế ban sắc chỉ soạn ra.

+ Luận-Vương Thị Pháp Tà, một quyển. Một bộ này có một quyển, thời Chu Vũ Đế, trước Sa môn vùng Tương Châu, nhà vua công khai trả lời tất cả mọi câu hỏi của Vệ Nguyên Tung về sự việc phá hoại Phật pháp.

+ Luận-An Dân mười hai quyển, luận-Đào Thần mười quyển, luận-Nhân Quả hai quyển, Ký-Thánh Tích một quyển. Bốn bộ này gồm có hai mươi lăm quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Linh Dụ chùa Đại Từ vùng Tương Châu soạn ra.

+ Đối Căn Khởi Hạnh Tập Lục tập-ba mươi sáu quyển, Tam Giai Vị Biệt Lục Tập-bốn quyển. Hai bộ này gồm bốn mươi quyển, đầu thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tín Hành chùa Chân Tịnh vùng Tây Kinh soạn ra.

+ Chúng Kinh Mục Lục-bảy quyển. Bảy quyển này, năm thứ 14 niên hiệu Khai Hoàng triều nhà Tùy, Sa môn Thích Pháp Kinh chùa Đại Hưng Thiện cùng 20 Đại Đức phụng mạng sắc chỉ soạn ra, Sa môn Minh

Mục chùa Dương Hóa và Sa môn Ngạn Tông chùa Nhật Nhiêm, phân tích rõ ràng kiểm tra tử tử làm cho hoàn chỉnh.

+ Luận-Thập Chung Đại thừa có một quyển này, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tăng xán chùa Đại Hưng Thiện soạn ra.

+ Luận Trạng, có ba mươi một quyển. Một bộ này có ba mươi một quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tăng Côn chùa Đại Hưng Thiện sưu tập lại.

+ Phàm Thánh Lục Hạnh Pháp-hai mươi quyển (cùng có nơi biên tập làm thành mười quyển-bảy quyển-năm quyển-ba quyển hoặc một quyển). Một bộ này gồm có bốn quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Đạo Chánh ẩn dật tại Thương Châu soạn ra.

+ Truyện-Đạt Ma Kiếp Đa bốn quyển, luận-Thông Cứu một quyển, luận-Biện Giáo một quyển, luận-Biện Chánh một quyển, luận-Thông Học một quyển, Thiện tài Đồng Tử Chư tri Thức Lục một quyển, Tân Dịch Kinh Tự, luận-Phước Điền một quyển, luận-Tăng Quan một quyển, Tây Vực Huyền Chí mười quyển. Mười bộ này gồm hai mươi hai quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Ngạn Tông chùa Nhật Nhiêm soạn ra.

+ Thuật Thích Đạo An Trí Độ Luận Giải-hai mươi bốn quyển, luận-Tồn Phế một quyển, luận-Thương Học một quyển, luận-Yếm Tu một quyển. Bốn bộ này gồm hai mươi bảy quyển, thời nhà Tùy có Sa môn Thích Tuệ Ảnh chùa Xá Vệ-trường An soạn ra.

+ truyện-Tinh Dị, một bộ hai mươi quyển., một bộ hai mươi quyển này, thời nhà Tùy có Tú tài Nho lâm-Lang hầu Quân tố, phụng mạng sắc chỉ của Văn Hoàng Đế soạn ra.

+ Luận-Thông Mạng, một bộ hai quyển. Một bộ này có hai quyển, thời nhà Tùy có Đạo sĩ Từ Đồng Khanh ở phủ Tấn Vương soạn ra.

+ Nội Ngoại Bằng Thông Tử Giáo Số Pháp-1 quyển. Một quyển này, thời nhà Tùy có Học Sĩ phiên dịch kinh điển là Lưu Bằng ở Kinh Dương soạn ra.

+ Khai Hoàng Tam bảo Lục-mười lăm quyển. Một bộ này có mười lăm quyển, thời nhà Tùy có Học Sĩ phiên dịch kinh điển là Phí Trường Phòng ở Thành Đô soạn ra.

+ Chúng Kinh Pháp Thức-mười quyển. Một bộ này có mười quyển, năm thứ 15 thời Khai Hoàng nhà Tùy, Văn Đế ban sắc chỉ cho quan lại soạn ra.

+ Luận-Phiên Kinh pháp Thức mười quyển, Chư Tự Bi Minh ba quyển. Hai bộ này gồm mười ba quyển, do Sa môn Thích Minh tặc

phiên dịch kinh pháp ở thời Hậu Tùy soạn ra.

+ Tự Nội Pháp-1 quyển, Nội Huấn-một quyển. Hai quyển này do Sa môn Thích Hành Cự phiên dịch pháp ở thời Hậu Tùy soạn ra.

+ Hương Thành Cam Lộ-năm trăm quyển. Một bộ này có năm trăm quyển, thời Hậu Tùy sắc chỉ cho Sa môn Thích Trí Quả ở đạo tràng Tuệ Nhật và các quan cùng nhau soạn ra.

+ Luận-Tam Đức một quyển, Nhập Đạo Phương Tiện Môn hai quyển, luận-Kính Dụ một quyển, Vô Ngại Duyên Khởi một quyển, Thập Chứng Độc Kinh Nghi một quyển, Vô Tận Tạng Thối một quyển, Lễ Phật nghi Thức một quyển. Mười bộ này gồm mười hai quyển, thời nhà Đại Đường có Sa môn Thích Huyền Uyển chùa Diên Hưng-tây Kinh soạn ra.

+ Luận-Phá Tà một quyển, luận-Biện Chánh tám quyển. Hai bộ này có chín quyển, thời nhà Đường có Sa môn Thích Pháp Lâm chùa Long Điền vùng Chung Nam Sơn soạn ra.

+ Luận-Tích Nghi một quyển, Tục Thi Uyển Anh Hoa mười quyển, chú-Kim Cang Bát Nhã Kinh một quyển, Chư Kinh Giảng Tự một quyển. Bốn bộ này gồm mười ba quyển, thời nhà Đường có Sa môn Thích Tuệ Tịnh chùa Kỳ Quốc-Tây Kinh soạn ra.

+ Luận-Nội Đức một quyển. Một quyển này, thời nhà Đường có môn đệ trông coi về lễ tiết là Lý Sư Chính soạn ra.

+ Luận-Biện Lượng Tam Giáo ba quyển, luận-Thiền Quán Tứ Thuyên mười quyển. Hai bộ này gồm mười ba quyển, thời nhà Đường có Sa môn Thích Pháp Vân chùa Tây Minh ở Kinh Sư soạn ra.

+ Chú-Tăng Ni Giới Bốn hai quyển (Số lý bốn quyển), chú-Yết Ma hai quyển (Số ký hai quyển), Hành Sự Bồ Luật Nghi ba quyển, Thích Môn Chánh Hạnh Sám Hối Nghi ba quyển, Thích Môn Vong Vất Khinh Trọng Nghi một quyển, Thích Môn Chương Phục Nghi một quyển, Thích Môn Quy Kính Nghi một quyển, Thích Môn Hộ Pháp Nghi một quyển, Thích Thị Phổ Lược một quyển, Thánh Tích Kiến Tại Đồ Tán một quyển, Phật Hóa Đông Tiệm Đồ Tán hai quyển, Thích Ca Phương Chí hai quyển, Cổ Kim Phật Đạo Luận Hoàn hai quyển, Đại Đường Nội Điển Lục mười quyển, Tục Cao Tăng Truyện ba mươi quyển, Hậu Tập Tục Cao Tăng Truyện mười quyển, Quán Hoàng Minh Tập ba mươi quyển, Đông Hạ Tam bảo Thông Ký ba quyển, Tây Minh Tự Lục một quyển, Cảm Thông Ký một quyển, Kỳ Hoàn Đồ hai quyển, Di Pháp Trú Trì Cảm Ứng bảy quyển.

Hai mươi hai bộ này gồm một trăm bảy mươi bảy quyển, thời nhà

Đường có Sa môn Thích Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh soạn ra.

+ Thiên Lâm Sáo Ký-ba mươi quyển. Một bộ này có ba mươi quyển, do Sa môn Hội Ẩn ở chùa Hoàng Phước-Tây Kinh và Sa môn Huyền Tắc chùa Tây Minh cùng tất cả mười người, vào năm thứ hai thời Đường lên Đức, vân theo sắc chỉ đến nơi Tu thư (nơi biên soạn sách) ở Long Môn phía Tây cổng Bắc, từ trong tất cả các kinh tóm tắt trích ra.

+ Chú-Kim Cang Bát Nhã Xá Vệ Quốc hai quyển. Một bộ này có hai quyển, do Sa môn Huyền Tắc chùa Tây Minh chú thích vào năm thứ hai thời Đường Lên Đức.

+ Đại Đường Tây Vực Truyện-mười hai quyển. Một bộ này có mười hai quyển, thời nhà Đường có Sa môn Huyền Trang chùa Đại Từ Ân ở Tây Kinh nhận sắc chỉ soạn ra.

+ Pháp Uyển Châu Lâm một trăm quyển, Chư Kinh Yếu Tập hai mươi quyển, Đại Tiểu Thừa Thiên Môn Quán mười quyển, Thọ Giới Nghi Thức bốn quyển, Lễ Phật Nghi Thức hai quyển, Đại thừa Lược Chỉ Quán một quyển, luận-Biện ngụy Hiển Chân một quyển, luận-Kính Phước ba quyển, Tứ Phần Luật Thảo Yếu năm quyển, Tứ Phần Luật Ni Sao năm quyển, Kim Cang Bát Nhã Tập Chú ba quyển.

Mười một bộ này gồm một trăm mười bốn quyển, do Sa môn Thích Đạo Thế tự Huyền Uẩn chùa Tây Minh-Tây Kinh soạn ở thời nhà Đường.

+ Đại Đường Chúng Kinh Âm Nghĩa hai mươi quyển. Một bộ này có hai mươi quyển, do Sa môn Thích Huyền Ứng chùa Đại Từ Ân-Tây Kinh thời nhà Đường soạn ra.

+ Chú-Tân Phiên Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã một quyển, chú-Nhị Đế Tam Tạng Thánh Giáo Tự một quyển. Hai quyển này, do Sa môn Thích Huyền Phạm chùa Phổ Quang-Tây Kinh thời nhà Đường soạn ra.

+ Tây Kinh Tự Ký hai mươi quyển, Sa môn Pháp Lâm Biệt Truyện ba quyển, Sa môn Bất Kính Lục sáu quyển. Ba bộ này gồm hai mươi chín quyển, do Sa môn Thích Ngạn Tông chùa Hoàng Phước-Tây Kinh thời nhà Đường soạn ra.

+ Chú-Bát Nhã Tâm Kinh 1 quyển. Một quyển này, thời nhà Đường có Vũ Thọ Cự tự Mẫn Chi chú thích.

+ Chú-Niết bàn Kinh bốn mươi quyển. Bộ này có bốn mươi quyển, thời nhà Đường có Lý Huyền Chấn là Thứ sử Biện Châu chú thích (Huyền Chấn là em của Anh Công).

+ Trung Thiên Trúc Hành Ký mười quyển. Bộ này có mười quyển, thời nhà Đường có Triều tán Đại phu Vương Huyền Sách soạn ra.

+ Tây Vực Chí-sáu mươi quyển, Đồ Hòa-bốn mươi quyển. Hai bộ này gồm có một trăm quyển, thời nhà Đường vào năm thứ 4 niên hiệu Lâm Đức ban sắc chỉ cho các quan lại soạn ra.

+ Minh Báo Ký-hai quyển. Một bộ này, vào niên hiệu Vĩnh Huy nhà Đường có Nội lại bộ Thượng thư Đường Lâm soạn.

+ Minh Báo Thập Di-hai quyển. Một bộ này, thời nhà Đường có Trung sơn lang Dư Lệnh tự Nguyên Hưu, soạn ra giữa niên hiệu Long Sóc.

+ Luận-Lục Đạo mười quyển. Một bộ này có mười quyển, thời nhà Đường có Tả vệ Trưởng sử kiêm chức Hoàng văn quán Học sĩ Dương Thượng Thiện soạn ra.

+ Luận-Hiển Thường hai quyển. Một bộ này có hai quyển, thời nhà Đường có Lý Huyền Kí soạn ra.

+ Luận-Biện Chân 1 quyển. Một quyển này, thời nhà Đường có Nguyên Vạn Khoảng soạn ra.

+ Quy Tâm Lục ba mươi quyển. Một bộ này có ba mươi quyển, do Hữu uy vệ lục sự Tiêu Tuyên Từ soạn ra.

Phần thứ tư: BÁT NHÃ

Kinh Đại Bát Nhã bản tiếng Phạm có hai ngàn bài tụng, phiên dịch thành sáu trăm quyển (tất cả có bốn xứ-16 hội, Pháp sư Huyền Trang chùa Từ Ân dịch ra).

Hội thứ nhất thuyết tại núi Thấu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có 132.600 bài tụng. Phần này phiên ra thành bốn trăm quyển có bảy mươi chín phẩm, dịch một lần.

Hội thứ hai thuyết tại núi Thấu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có 25.000 bài tụng. Phần này phiên ra thành bảy mươi tám quyển có tám mươi lăm phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là ba bản Đại Phẩm-Phóng Quang-Quang Tán, toàn bộ có tám mươi quyển. Nay phiên ra thành bảy mươi tám quyển căn cứ theo bản tiếng Phạm thì giống nhau.

Hội thứ ba thuyết tại núi Thấu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có 18.000 bài tụng. Phần này phiên ra thành năm mươi chín quyển có ba mươi một phẩm, dịch một lần.

Hội thứ tư thuyết tại núi Thấu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có tám ngàn bài tụng. Phần này phiên ra thành tám quyển

có hai mươi chín phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là bốn bản Tiểu Phẩm-Đạo Hạnh-Tân Đạo Hạnh-Minh Độ. Nay phiên ra thành tám quyển, dựa theo bản tiếng Phạm như nhau.

Hội thứ năm thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có bốn ngàn bài tụng. Phần này phiên ra thành mười quyển có hai mươi bốn phẩm, dịch một lần.

Hội thứ sáu thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, bản tiếng Phạm có hai mươi lăm trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành tám quyển có mười bảy phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là Thắng Thiên Vương Bát Nhã.

Hội thứ bảy thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, bản tiếng Phạm có tám trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành hai quyển không có phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là Văn Thù Bát Nhã.

Hội thứ tám thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, bản tiếng Phạm có bốn trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành một quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ chín thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, bản tiếng Phạm có ba trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành một quyển không có phẩm, dịch qua nhiều lần. Đó là Kim Cang bát Nhã.

Hội thứ mười thuyết tại điện Mạt Ni Bảo tạng trong Vương cung trên cõi trời Tha Hóa Tự Tại, bản tiếng Phạm có ba trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành 1 quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười một thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, nói về Bồ thí Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có hai ngàn bài tụng. Phần này phiên ra thành năm quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười hai thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, nói về Trì giới Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có hai ngàn bài tụng. Phần này phiên ra thành năm quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười ba thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, nói về Nhẫn nhục Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có bốn mươi bài tụng. Phần này phiên ra thành một quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười bốn thuyết tại vườn Cấp Cô Độc-rừng Thệ Đa thuộc thành Thất La Phiệt, nói về Tinh tiến Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có

tám trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành hai quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười lăm thuyết tại núi Thứu Phong thuộc thành Vương Xá, nói về Thiên định Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có tám trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành hai quyển không có phẩm, dịch một lần.

Hội thứ mười sáu thuyết ở bên cạnh hồ Bạch Lộ-vương Trúc Lâm thuộc thành Vương Xá, nói về Trí tuệ Ba la mật đa, bản tiếng Phạm có hai ngàn năm trăm bài tụng. Phần này phiên ra thành tám quyển không có phẩm, dịch một lần.

Phần tựa về mười sáu hội này, Sa môn Huyền Tắc chùa tây Minh-Trường An soạn ra.

Phần thứ năm: HƯNG PHƯỚC

Từ lúc Thích giáo truyền đến Chấn Đán, mở mang cứu giúp hết sức to lớn, gọi mở hiểu biết làm cho thông suốt, lắng trong bao sự nhiễm ô bản thủy, điềm lành cảm ứng trong biết làm cho thông suốt, lắng trong bao sự nhiễm ô bản thủy. Điềm lành cảm ứng trong đó, ghi lại đầy đủ điều nghe trước kia, thuật lại đầy đủ mọi điều rõ ràng, dùng để bày tỏ cho hành hậu học. Xưa kia người có đức hạnh đi tìm giáo pháp, tâm ý thuộc về Đại thừa, lên đường mong đến Tây Vực, mới phát sinh những tai nạn, liền ôm kinh lao vào lửa, Kinh và thân không hủy hoại, mà ngọn lửa thì tắt đi, toại nguyện đi về phía Đông đến được xứ này, đó chính là kinh Phóng Quang. Còn Đàm Vô Sấm có được kinh Niết bàn, đi vào địa phận nước Lương, kẻ trộm đem khuya lấy cắp, đưa lên nhưng không lên nổi, cúi rạp đầu nhận lỗi rời xa. Chu Vũ Đế phá hoại giáo pháp, đập nát tượng-đốt cháy kinh, tất cả trông thấy Tạng Kinh theo nhau vút lên trời cao, ẩn vào hư không bao la. Cảm ứng như vậy rất nhiều, không thể viết hết được. Nhưng giáo mở rộng thuộc về con người, có đất nước làm nguồn cội, độ người xuất gia tu đạo, xây dựng chùa tháp thờ kính, đúc-vẽ hình tượng tôn nghiêm, phiên dịch kinh điển truyền bá, ước hẹn thời cơ mong cầu. Vì vậy nói đến nguồn gốc phát triển mạnh mẽ của Phật giáo, mà từ Hán-ngụy trước kia, vốn không có gì đặc sắc để nói ra danh tiếng, từ Tấn-Tống đến nay thì sơ lược trình bày theo thứ tự.

Tấn Thế Tô-Vũ Hoàng Đế, làm nhiều Phật sự to lớn, xây dựng chùa chiền khắp nơi.

Tấn Huệ Đế, xây dựng chùa Hưng Phước ở lạc hạ, thường cung cấp cho một trăm vị tăng.

Tấn Mẫn Đế, xây dựng hai chùa Bạch mã-Thông Linh ở Trường An.

+ Hai Kinh Đô của Tây Tấn trên đây gồm có một trăm tám mươi ngôi chùa, mười ba người dịch kinh đưa ra được bảy mươi ba bộ, Tăng-Ni có ba ngàn bảy trăm người.

Tấn Trung Tông-Nguyên Đế, xây dựng hai chùa Ngõa Quna-Long Cung tám mươi ba vùng Giang Tả, độ cho một ngàn vị Tăng ở vùng Đan Dương.

Tấn Túc Tông-Minh Đế, xây dựng hai chùa Hưng Hoàng-Đạo Tràn, tập trung một trăm vị Tăng học theo nghĩa lý.

Tấn Hiến Tông-Thành Đế, xây dựng hai chùa Trung Hưng-Lộ Dã, tập trung một ngàn vị Tăng chu cấp học hành.

Tấn Thái Tông-Giản Văn Đế, đúc tượng-độ Tăng-xây chùa, làm chùa Trường Can- dựng tòa tháp bằng gỗ.

Tấn Liệt Tông-Vụ Đế, đến lúc mới lập làm Hoàng Thái Tử bắt đầu xây dựng chùa Bốn khởi.

Tấn An Đế, ở tại tháp A Dục Vương xây dựng chùa Đại Thạnh.

+ Triều Đông Tấn này tồn tại một trăm lẻ bốn năm, xây dựng chùa chiền gồm 1768 ngôi, có hai bảy người dịch kinh đưa ra được hai trăm sáu mươi ba bộ, Tăng-Ni được hai mươi bốn ngàn người.

Tống Cao Tổ-Vũ Đế, miệng đọc bản tiếng Phạm-tay viết Giới kinh, xây dựng bốn ngôi chùa Linh Căn-Pháp Vương..., thường cung cấp cho một ngàn vị Tăng.

Tống Thái Tông-Minh Đế, tạo ra pho tượng bằng vàng cao một trượng tám, sau khi giải trãi cảm được xá lợi của Phật, xây dựng chùa Hoàng Phổ Trung, mời các danh Tăng duy trì Phật pháp.

Tống Thái Tổ-Văn Đế, vâng thọ trai pháp-giữ giới không sát sinh, xây dựng chùa Thiên Linh, thường cung cấp cho một ngàn vị Tăng.

+ Thời nhà Tống chùa chiền gồm có 1.913 ngôi, dịch kinh có hai trăm mười bộ, Tăng-Ni gồm có 36.000 người.

Tề Thái Tổ-cao Đế, tay viết kinh Pháp Hoa-miệng tụng kinh Bát Nhã, ngày mồng 8 tháng 4 thường đúc tượng bằng vàng, ngày 15 tháng 7 tổ chức lễ Vu Lan cho các chùa, cung cấp cho ba trăm vị Tăng, xây dựng hai chùa Trắc Kỉ-Chỉ Quán.

Tề Thế Tổ-Vũ Đế, xây dựng hai chùa Chiêu Huyền-Du Hiền, có ba trăm danh Tăng, tìm hiểu kỹ càng 3 giáo đến năm thứ 4 mới quy định về giáo.

Tề Cao Tông-Minh Đế, viết tất cả các kinh, tạo ra một ngàn pho

tượng Phật, miệng tụng Bát Nhã, thường trì kinh Pháp Hoa, xây dựng chùa Quy Y, triệu tập Thiên Tăng, thường thọ trì sáu ngày trai.

+ Thời nhà Tề trên đây chùa chiền gồm có 2.015 ngôi, dịch kinh có 72 bộ, Tăng-Ni gồm có ba mươi hai ngàn năm trăm người.

Lương Cao Tổ-Vũ Đế, chế định 5 thời bàn luận truyền bá khắp 4 phương, xây dựng năm chùa như Quang Trạch-Đồng Thái..., thường cung cấp cho một ngàn vị Tăng, trong nước đều thọ trì sáu ngày trai cùng với tám giới.

Lương Thái Tông-Giản Văn Đế, xây dựng hai chùa Từ Kính-Báo Ân, chích màu tự viết mười bộ Bát Nhã, nguyện ngày hoàn thành không ăn mà giữ trai tịnh, soạn Tập Ký hơn hai trăm quyển, Pháp Bảo Liên Bích cũng hơn hai trăm quyển.

Lương Trung Tông-Nguyên Đế, xây dựng hai chùa Thiên Cư-Thiên Cung, cung cấp cho một ngàn vị Tăng, tự mình giảng Pháp Hoa và luận Thành Thật.

+ Thời nhà Lương trên đây chùa chiền gồm có 2.846 ngôi, dịch kinh có hai trăm bốn mươi tám bộ, Tăng-Ni gồm có 82.700 người.

Lương Tuyên Đế và Lương Minh Đế, hai vị vua này phục hưng xã tắc, xây dựng các chùa Thiên Hoàng-Trắc Ki-Đại Minh... ở Kinh Cầu, sắp đặt sửa sang tại Giang Lăng, chùa Phật ở một Châu này có một trăm lẻ tám ngôi, Tăng-Ni gồm có ba ngàn hai trăm người.

Trần Cao Tổ-Vũ Đế, xây dựng bốn chùa Đông An-Hưng Hoàng-Thiên Cư... tại Dương Châu, viết tất cả mười hai tạng kinh, làm ra một trăm vạn pho tượng bằng đồng và vàng, độ cho bảy ngàn người xuất gia làm Tăng, tu sửa chùa cũ ba mươi hai ngôi.

Trần Thế Tổ-Văn Đế, viết năm mươi tạng kinh, độ cho hai ngàn người xuất gia làm Tăng-Ni, tu sửa chùa cũ sáu mươi ngôi.

Trần Cao Tông-Tuyên Đế, xây dựng chùa Thái Hoàng và tháp gỗ bảy bậc trong cung cấm ở Dương Châu, còn xây dựng ngôi chùa Sùng Hoàng cao mười lăm trượng, phía dưới an trí xá lợi móng tay của Phật, làm ra hơn hai mươi ngàn pho tượng bằng vàng, tu sửa năm mươi ngôi chùa cũ, sửa lại một trăm ba mươi vạn pho tượng cũ, viết mười hai tạng kinh, độ cho mười ngàn người.

+ Thời nhà Trần trên đây có năm đời vua trị vì bốn mươi bốn năm, chùa chiền có một ngàn hai trăm ba mươi hai ngôi, chùa mới xây dựng trong nước có một ngàn bảy trăm ngôi, chùa do quan chức xây dựng có sáu mươi tám ngôi, chùa lớn trong thành có hơn ba trăm ngôi, Tăng-Ni gồm có ba mươi hai ngàn người, dịch kinh có mười một bộ. Trong Hưng

Địa Đồ nói: “Dưới Kinh đô của Lương Vũ Đế trước kia có hơn 700 ngôi chùa, liên tục bị Hâu Cảnh làm loạn đốt cháy sạch sẽ. Đến thời nhà Trần đã thống nhất đất nước thì cùng với dân chúng đều tu sửa chu đáo như cũ, tháp dựng lên hướng về nhau chỉ chít như kiệu xe cất cao, kinh tượng rất nhiều không thể nào nói hết.”

Ngụy (nguyên Thi) Thái Tổ-Đạo Vũ Hoàng Đế, ở đất Lỗ xây dựng tòa tháp mười lăm bậc, còn xây dựng hai chùa Khai Thái-Định Quốc, viết tất cả các tạng kinh, làm ra một ngàn pho tượng vàng, có ba trăm danh Tăng, tập trung tổ chức pháp hội hằng tháng.

Ngụy Cao Tông-Văn Thành Đế, khôi phục lại Phật giáo, tiếp tục phát triển dòng dõi Thích Môn, tất cả T8ng-Ni được độ xuất gia gồm có ba chục ngàn người.

Ngụy Hiển Tổ-Hiến Văn Đế, xây dựng chùa Chiêu Ân mời Tăng ngồi thiền.

Ngụy Cao Tổ-Hiếu Văn Đế, xây dựng chùa An Dưỡng tại vùng Nghiệp, mới Tăng bốn phương, Thị nữ Lục cung đều thọ trì sáu ngày trai hằng tháng và ba tháng chay trường hàng năm, vào tháng đặc biệt thì làm tượng, cho phép mọi người được xuất gia, vua tay không rời quyển kinh, đợi lúc thuận tiện là đọc tụng, thay đời vua trước tiếp tục lo liệu Đại hạnh chúng dường bố thí, độ cho mười bốn ngàn người xuất gia làm Tăng-Ni.

Ngụy Thế Tông-Tuyên Vũ Đế, ở điện Thức Càn tự mình giảng về kinh Duy Ma, xây dựng bốn chùa là Phổ Thông-Đại Định..., thường cung cấp cho một ngàn vị Tăng.

Ngụy Túc Tông-Hiếu Minh Đế, xây dựng chùa Đại Giác ở vùng Nghiệp Hạ.

Ngụy Kính Tông-Hiếu Trang Đế, xây dựng năm tinh xá làm mười ngàn pho tượng đá. Tân Ngụy Vũ Đế, xây dựng chùa Trắc Kỉ ở Trường An, cung cấp cho hai ngàn vị Tăng.

Ngụy Văn Đế, xây dựng chùa Bát Nhã, dùng để cung cấp cho người nghèo, miệng tụng kinh Pháp Hoa, thân giữ giới thanh tịnh.

+ Triều đại Nguyên Ngụy trên đây có một bảy vị Hoàng Đế, trị vì một trăm bảy mươi năm, chùa lớn của quốc gia có bốn mươi bảy ngôi, Bắc Đài luôn luôn yên ổn, khắc đá đặt khám thờ, cách ba mươi dặm về phía Đông. Chùa của các bậc Vương Công có tám trăm ba mươi chín ngôi, chùa do dân chúng xây dựng có hơn ba mươi ngàn ngôi. Độ cho Tăng-Ni toàn bộ hơn hai trăm vạn người, dịch được bốn mươi chín bộ kinh. Phật giáo truyền về phương Đông đến thời kỳ này thật là hưng

thịnh, chỉ có điều là vào thời Thái Vũ Đế tin dùng Tư đồ Thôi Hạo nịnh hót gièm pha, đàn áp phế bỏ Chánh giáo, ẩn kín trong bảy năm rông, sau biết sự thật nịnh hót gian trá liền chém chết Thôi Hạo, trở lại khôi phục Phật giáo hưng thịnh và rạng rỡ hơn trước.

Tề Cao Tổ- Văn Tuyên Hoàng Đế, được nhường ngôi bước lên ngai vàng, thọ giới Bồ Tát từ Trù Thiên Sư hiệu Tăng Lăng, trong cung không ăn thịt, cấm uống rượu-thả chim-loại bỏ lưới giăng. Đồng thời cấm dân chúng giết mổ, sáu ngày trai hằng tháng-ba tháng chay trường hàng năm khuyến khích dân chúng trì trai giữ giới, công và tư đều trừ bỏ các loại hôi nồng, độ cho tám ngàn người xuất gia.

Tề Túc Tông-Hiếu Minh Đế, vì Tiên Hoàng mà viết mười hai tạng kinh, gồm có 38.047 quyển, độ cho khoảng ba ngàn người xuất gia làm Tăng.

Tề Thế Tổ-Vũ Thành Đế, xây dựng tháp báu đọc kinh Đại Phẩm.

+ Triều đại Cao Tề trên đây có sáu đời vua trị vì hai mươi tám năm, chùa do Hoàng gia xây dựng có bốn mươi ba ngôi, dịch được mười bốn bộ kinh, độ cho người nối tiếp nhau cùng với nhà Ngụy, xuất gia làm Tăng-Ni phát huy đạo pháp.

Chu Hiếu Minh Đế, vì Tiên Hoàng làm thợ dệt thành bức tượng, cao hai trượng sáu thước, tượng các thân bằng gỗ đàn hương có mười hai pho, cùng với các thị vệ hầu hạ.

Chu Thái Tổ-Văn Đế, ở tại Trường An xây dựng sáu chùa như Truy Viễn-Trắc Hộ-Đại thừa..., độ Tăng xuất gia một ngàn người, còn xây dựng thêm năm chùa, cúng dường nhiều Thiên sư thật sự đức hạnh.

Chu Hiếu Tuyên Đế, tiếp tục phát triển Phật pháp, làm bốn khám thờ tượng vốn có hơn mười ngàn pho, viết kinh Bát Nhã ba ngàn quyển, sáu ngày trai-tám giới thường mở rộng không dứt.

+ Thời đại nhà Chu-họ Vũ Văn trên đây có năm đời vua trị vì hai mươi lăm năm, chùa gồm có chín trăm ba mươi một ngôi, dịch được mười sáu bộ kinh. Hiếu Mẫn Hoàng Đế bắt đầu cơ nghiệp chưa lâu, Phật giáo chẳng đáng gì. Cao Tổ Thần Vũ Hoàng Đế, không tin Tam bảo, hiện báo tai họa chồng chất.

Tùy Cao Tổ-Văn Hoàng Đế, năm thứ 3 niên hiệu Tùy Khai Hoàng, triều nhà Chu phế bỏ chùa chiền, tất cả đều được nhà Tùy xây dựng lại, dưới những vùng núi có tiếng đều cho xây dựng chùa, hơn một trăm Châu xây dựng tháp thờ xá lợi, độ cho Tăng-Ni xuất gia có hai trăm ba chục ngàn người, xây dựng ba ngàn bảy trăm chín mươi hai ngôi chùa,

viết bốn mươi sáu tạng kinh gồm có 132.086 quyển, tu chỉnh ba ngàn tám trăm năm mươi ba bộ kinh cũ, đúc ra 106.580 pho tượng, đương nhiên số còn lại nơi khác đúc ra thì không thể biết hết.

Tùy Dạng Đế, vì Hiếu Văn Hoàng Đế và Hiếu Hoàng hậu, ở tại trường An xây dựng hai chùa Thiên Định cùng hai tòa tháp bằng gỗ, và xây dựng mười ngôi chùa khác, nhà nước cung cấp cho mười năm, tu chỉnh sáu trăm mười hai tạng kinh cũ gồm có 29.172 bộ, sửa chữa 101.000 pho tượng cũ, đúc ra ba ngàn tám trăm năm mươi pho tượng mới, độ cho sáu ngàn hai trăm người xuất gia làm Tăng.

+ Triều đại nhà Tùy trên đây có hai đời vua trị vì bốn mươi bảy năm, chùa gồm có ba ngàn chín trăm tám mươi lăm ngôi, độ cho 236.000 người xuất gia làm Tăng-Ni, dịch được tám mươi hai bộ kinh.

Đại Đường Cao Tổ Thái Vũ Hoàng Đế: Biên soạn theo Nghiêu-dừng lại theo Tấn phù hợp theo Vũ-nền tảng theo Chu, mây nổi rồng bay, vũ về nhân gian. Hợp cùng một chủ đề để phát triển vận dụng, nhờ vào toàn dân mà an vui khắp chốn. Phát khởi từ tìm hiểu dấu cũ, xác định được cung điện kinh đô, quy tắc của người thế tục đã ban bố, giáo nghĩa của pháp tạm thời dùng nói rõ. Cùng quy tập Ngũ Tinh-cảm hóa khắp Tứ Biểu, Địa Võng lại ngay ngắn, Thiên La lại giương ra, từ Đông sang Tây, xa yêu ổn-gần nhiệm túc, mà cờ chính nghĩa mới dựng lên. Lộ trình trải qua Hoa Âm, hướng về cúng tế đàn thiêng, để cầu mong nhiều hạnh phúc, bên phải đền thờ thần linh, tìm cách xây dựng Già lam, thật sự nói là Linh Tiên, tuyệt vời giống như Thần chế, vàng ngọc chiếu rọi xen nhau, cỏ cây sum sê xanh tốt, nhìn khắp đá núi cheo leo, nghiêng mình đứng trước cổng xưa, đài hoa rậm rì cao vút, đến gần đối diện đài sen, chân thành tạc tượng chếp kinh, tu tạo đầy đủ phước thiện. Lại ở trong kinh thành xây dựng bốn chùa Hội Xương-Thắng Nghiệp-Từ Bi-Chứng Quả và chùa Tập Tiên Ni, còn cúng dường nơi ở cũ làm ngôi chùa Hưng Thánh, xây dựng chùa Nghĩa Hưng ở Tích Châu, cùng với nhà cửa bao quanh sáng ngời rực rỡ, thiết kế đủ loại hoa văn chạm trổ. Vào năm thứ nhất niên hiệu Đường Vũ Đức, ở tại đạo tràng Phổ Kiến trên đường lớn phía Nam Cổng Chu Tước, tổ chức hội Vô Giá (chấn tế), pháp lữ tham dự đông đúc, giống như lần đầu khai mở ở Thứu Lĩnh; Khách mời danh tiếng lấy lừng, tựa như bắt đầu tụ tập ở Hạc Lâm, ngựa xe nối sát theo nhau, nam nữ cùng nhau tiến vào, tranh nhau che kín sân thiền, như giành nhau uống cam lộ. Lại vì Thái Tổ Nguyên Hoàng Đế và Nguyên Trinh Hoàng Hậu, làm ba pho tượng thân bằng gỗ Chiên đàn, họa theo bốn mươi lăm hình dáng thần thánh, mô phỏng

ba mươi hai tướng mạo linh thiêng. Dao khắc tô điểm, há có gì kém hơn Ưu Điền? Mạ vàng sáng ngời, thật không hề thẹn với Tư Nặc! Lại vào tháng Trọng Xuân (tháng hai) năm ấy, truyền cho Sa môn gồm bốn mươi chín người, vào cung nội hành đạo, liền làm cho Thiên Cung vang lừng Phạm âm, tiếp tục lưu truyền vang vọng ở Tử Vi; Vương thành giữ kín chuẩn mực, rở lại cất cao âm hưởng ở Hoàng Ốc. Từ đó về sau sùng kính tin tưởng không rơi rụng suy tàn theo thời gian.

Thái Tông Văn Hoàng Đế: Bẩm thọ khí chất của Thái Dịch-Thái Sơ, có thêm tinh thần của Thiên Hoàng-Thiên Đế, nơi phòng hoang của họ U mở ra nền tảng Cao Dương, giữa nền cũ của họ Diệu gây dựng sự nghiệp Trùng Hoa, ánh sáng đỏ rực lưu chuyển trong nhà, làn khói tím biếc xông thẳng trời cao, hiện ra mặt rồng ngực phượng, diêm lạnh trời lặn trăng treo, khác gì mắt sông miệng biển, hiếm thấy trên giàu dưới vui, Thánh thông minh nhìn sâu xa, người hiểu biết đến kho tàng, tìm vãng về vào kín đáo, cùng tận thần thức tâm tánh, bớt phàm trần trời ban cho, Thể chất tự nhiên bùng sáng, xưa giấu kín đức ban đầu, tài năng đứng đầu thiên hạ. Tiếp nối triều nhà Tùy sụp đổ trong ngoài phân chia tan tác, lửa cháy tràn lan trên đỉnh Côn Lôn, nước dâng tràn ngập biển xanh mênh mông, đều là ý đuổi theo hươu, cùng mở dung mạo lỗi lầm. Từ bên phải sông Hoàng đến nay, các loại rồng rắn đều mất mạng, xứ sở Trung Nguyên, ngọc-đá đều cháy. Tức thì khiến cho mặt đất tiếp cận với trời, tranh nhau phát sinh than thở sống còn; kinh thành cần phải đảm nhiệm, con người xuất hiện đau xót bày tỏ. Hoàng triều ta tự nhận mình là con vua chúa, đảm đương mạng lệnh của trời trao, đích thân đi trước mọi người, đứng đầu toàn bộ quân binh, không có gì không thể làm cho ngói vỡ-băng tan-gió qua cỏ rạp, ca khúc khái hoàn dâng tặng không cho phép luận đến công lao. Sau đó vận khí không may tức thì trong suốt, phân chia giới hạn yên ổn như nhau. Cao Tổ chăm chú, nuôi dưỡng tài cao rong ruổi ý tưởng ở ngoài ráng chiều đỏ rực, trước đây vì muôn nẻo mờ mịt, cúng tế thần linh sai lạc, oan uổng cho phong thái cao thượng của Đỉnh Dương, cứu vớt cho mọi người chìm đắm ở chốn này, cân xứ Kiềm được nhờ đức tái tạo, ngô hầu cùng gánh vác ân to lớn. Không lấy vương cung làm tâm, chỉ lấy muôn dân làm niệm; lòng dạ ôm nặng chuyện cởi giày, không lúc nào quên mình phủ linh thiêng; chí hướng mong cầu tiêu nghèo khó, có biểu hiện ra gợi mở rõ ràng. Thính cúng tế ngoài thành đáng ghi nhớ, cầu tổ tiên phù hộ có chủ đích, lúc suy nghĩ rèn luyện hàng ngày, truyền bá Đại Bảo đến Thiệu Dương rồi. Tự mình làm rạng rỡ, đảm đương theo dõi thăm hỏi xây dựng hai chốn

Xuân Cung, tuân theo phép tắc Tam Thiện, mang tốt lành đến cho mọi nơi, và thiên hạ lại bắt đầu từ cuộc duy tân của Bảo Lịch, đến huyện Xích mà phát Đại thế trang nghiêm, vỗ về dân chúng xứ Kiềm mà phát triển nhiều điều lợi ích, mở thông ánh mặt trời Tứ Đẳng (Từ Bi Hỷ Xả), thấp ngọn đuốc soi rõ mây Nghiêu khắp nơi, cuộn lên làn gió Lục Độ, khơi dòng chảy chan chứa mưa Thuần mọi nẻo. Năm thứ hất niên hiệu Trinh Quán vào tháng Hiếu Xuân, nhận chiếu chỉ mời người đức hạnh trong chúng Tăng toàn kinh đô, cùng phụng mạng vào trong nội điện hành đạo, tất cả trọn vẹn bảy ngày, quan lại cung cấp chu đáo cốt phải chọn lấy tinh hoa. Đến năm thứ 3 Hoàng Đế sợ rằng gặp phải năm hạn hán, ngũ cốc không được mùa, lo buồn thương hại mãi suy tư, liền đưa ra Thánh chỉ, tuyển chọn những người túc đức tinh thành và thị giả gồm mười bốn người, ở trên đường Thiền Môn cầu mưa trong bảy ngày. Thánh lực âm thầm phù hộ, lú má hoa màu tốt tươi, nhà dôi dào gom vào vạn thùng, nước giàu có cung cấp chín năm. Từ đó đến nay luôn luôn được mùa không giám đoạn. Trước kia bởi vì bắt đầu dựng ngọn cờ chính nghĩa mà thần binh phải tuyệt diệt dưới làn tên đạn, sợ rằng kết thành oan hồ, mùa Đông năm ấy truyền cho Tăng-Ni trong kinh thành hành đạo bảy ngày, tất cả áo quần đều dùng để bố thí. Nhờ vào nhân tố tốt đẹp này mà toàn tâm toàn ý sám hối gột sạch, nơi chiến trường xưa kia cùng thiết lập thành chốn Già lam, Chiêu Nhân-Đẳng Giác có hơn mười chùa. Đến mùa Xuân năm thứ 3, lại phụng chiếu truyền cho Tăng-Ni vào ngày 14 hằng tháng hành đạo đọc tụng các kinh Nhân Vương, nhà nước cung cấp trai phạn cúng dường làm phép tắc thông thường. Lạc sắc lệnh cho Tam tạng Ba Pha, bao gồm Tam giáo, đưa ra đầy đủ mười khoa, Thích Tuệ Thừa cùng mười chín người, phát khởi công việc phiên dịch tốt lành. Lại vì Thái Vũ Hoàng Đế, xây dựng chùa Long Điền ở tại Chung Nam Sơn, và chuyển 6 pho tượng gồm các thân của Vũ Đế, cúng dường đầy đủ suốt đời. Lại vì Mục Thái Hậu mà xây dựng ngôi nhà Hoàng Phước, sau khi ngôi chùa hoàn thành, Hoàng Đế đích thân đến chùa này, tự mình điểm nhãn trên pho tượng Phật, cúng dường bố thí hết sức long trọng. Nhân đó cho gọi mười vị Đại Đức, tự mình đối đáp bàn luận. Lúc ấy chủ chùa là Đạo Ý nói đến cuộc đời của Thái Hậu thì đau xót thương kìm mình nổi, rơi lệ nghẹn ngào hồi lâu mới nói rằng: Trẫm đã mất đi mẹ hiền, không biết cách nào đền trả ân tình bú mớm, đau đớn vô cùng, giống như xé nát lòng dạ, ngô hầu nhờ vào phước thiện tôn kính để giúp cho chốn u minh được che chở, Trẫm phỏng theo đặt Lão Tử ở bên trái, các Sư không có oán trách gì chăng? Đạo Ý thưa:

Chúng Tăng ở đây yên tâm hành đạo, nào dám quên mình điều này! Hoàng Đế nói: Phật đạo Đại-Tiểu thì Trẫm đã biết từ lâu, Thích-Lý tôn ti thì mọi người tự xét kỹ, lẽ nào vì một thời gian thuộc về Bắc thượng, mà cho là hơn hẳn hay sao? Trẫm lấy tông chỉ kế thừa đặt dưới cột chống, mà đem Lão Tử đặt vào trước để gieo trồng phước thiện, chân thành tìm đến vui vẻ quy phục, gần đây tự mình phân biệt để cúng dường bố thí, toàn bộ hướng về Thích Môn, tất cả mọi nơi đã tu sửa, đều là chùa Phật, các vị Pháp sư biết ý Trẫm như vậy. Lại vì Mục Hoàng hậu, xây dựng ngôi chùa Từ Đức ở bên cạnh dinh quán Khánh Thiện. Sa môn Huyền Trang, chống tích tượng đến Ngũ Thiên Trúc, tìm kiếm truyền bá Chánh pháp, mang nước tám công đức trở về, suy nghĩ nói rõ ngôn ngữ sâu xa. Mùa Xuân năm thứ 19, phụng chiếu phiên dịch, từ đầu đến cuối ca ngợi tán thưởng, phong cách biểu hiện bình thường như nhau, thích hợp khiến cho hưởng về với nhau, trong 10 ngày không có ngày nào rỗi, tự mình để ý suy nghĩ kỹ càng, để soạn ra bài tựa cho phần chính, chọn lọc dẫn ra tông chỉ trong kinh, ca ngợi truyền bá nghĩa lý của Phật, đã độ Tăng chúng hơn ba vạn người, còn như các tượng bằng trân châu và thân bằng vàng bạc..., thường thường vượt quá số vạn, lệnh khó nêu đủ số. Nay Thánh thượng Hoàng đế, quả là Thánh là Thần, nhiều tài năng nhiều chuẩn tắc, cai trị thuận theo tự nhiên, xa thì nối cội Tiên Vương, phong thái phát sinh đạo nghĩa, thật sự rộng lớn mênh mông, vui thú chấm dứt tranh cãi, như căn nhà được đóng kín, núi sông dâng hiến tinh thần, trong ngoài cầu khán phước thiện, làm ruộng cật cho Tam bảo, gánh vác lợi ích Tứ Sinh, vốn có gieo trồng thiện căn, tu nghiệp thù thắng đã lâu, sùng kính tin tưởng Đạo pháp, phát ra tư chất tự nhiên, tâm tư hiếu thảo cung kính, đích thực nhờ vào chân tánh, xưa vốn tích góp mà thành, phát triển lòng dạ bao đời, liền phái quan lại chức trách, tôn kính vì Văn Đức Hoàng Thái Hậu xây dựng ngôi chùa Từ Ân. Quan sát hình tượng thù thắng, khăn đai bày tỏ hướng về, liền truyền cho người thuần thành, tiến hành xây dựng nền móng, vừa mới di chuyển bằng bạc, bắt đầu làm vườn vàng này, pháp lữ chen vai nối gót, sớm tối mời mọc đứng đầu. Vùng ấy cao ráo rộng rãi vòng quanh hơn trăm Trĩ (tường cao một trượng, dài ba trượng là một trĩ), tường thành chồng chất kết góc chín lớp kéo dài và trải rộng ra. Ngay sau đó mở rộng phường ấp sinh hoạt, đầy đủ các loại sáng ngời, ngắm nhìn cảnh sắc tốt tươi, sắp xếp chuẩn mực dọc ngang, ngọc tích rủ xuống rực rỡ, giường vàng chiếu rọi lung linh, hành lang dài trong đêm tối, lại thành nhà giữa mây trời, cột chống nổi giữa gấm hoa, mây bông bành

trên mái chùa, lướt qua mái hiên cửa sổ, như chạm khắc vào lan can, phía dưới phản chiếu cầu vồng, bóng tháp trang nghiêm sừng sững, đài kinh cao vút dựng lên, tất cả cùng hướng về nhau, kho tàng đỏ xanh dốc hết, vòng quanh bao nhiêu kỳ lạ, họa vẽ rực rỡ vô cùng. Chuông báu vang vang trong gió, mâm vàng tiếp tục bày ra, âm thanh ngân vọng suốt đêm, Phạm âm thánh thót tinh sương, lòng nghe cảm xúc dâng tràn. Nơi nương nhờ của Định Tuệ, chốn dừng lại của tâm linh, là ngôi nhà của bao điều kỳ diệu.

Lại nói về Văn Đế soạn thì tựa theo ý kinh, vì thuật lại tôn chỉ của bậc Thánh, văn nhiều cho nên không chép ra hết. Đến lúc cung kính đảm đương ngôi vị quý báu, chúc mừng lên ngôi mở cuộc duy tân, nghĩ đến ân đức cao dày của đấng Tiên Hoàng, tươi thắm ân huệ làm lợi ích cho muôn dân. Xa giá ở Đỉnh Hồ, với vợ quá không truy tìm nổi, tâm hồn ở Trường Lăng, lâu dài quá phát sinh mãi mãi, sáng lập tịnh nghiệp, dựng lên phước điền. Tiên Đế đã đến hành cung, núi xanh ngắt ngọc rực rỡ, cùng hương xả làm thành chùa, cúng dường ân cần sâu nặng, cảnh sắc chạm trở hoa văn. Cứ mỗi khi đến ngày húy của Vũ Vương-Mục Hoàng Hậu, Tăng-Ni toàn kinh đô hành đạo bảy ngày. Ngày kỵ của Thái Tông và Văn Đức Hoàng Thái Hậu, tất cả Tăng-Ni khắp nơi, hành đạo suốt hai mươi một ngày. Tọa tượng chéo Kinh độ Tăng thiết lễ cúng dường, đầy đủ những điều thấy nghe, có thể nói tóm tắt thôi. Niên hiệu Hiến Khánh, thường truyền cho Pháp sư Huyền Trang vào cung nội phiên dịch, và các Đại đức chùa Từ Ân, trải qua bao đời hành đạo, không suy tàn vào lúc bấy giờ. Lại đưa ra chiếu chỉ, vì Hoàng Thái Tử xây dựng chùa Tây Minh ở Tây Kinh, nhân đó đến Đông Đô, liền ở tại Lạc Hạ, còn xây dựng chùa Kính Ái, riêng tiền sử dụng xây chùa mất cả hơn hai mươi vạn quan (một ngàn đồng xâu thành một chuỗi = 1 quan), chùa chiền điện thờ nhà cửa, tượng Phật tôn nghiêm cờ phướn rực rỡ, tuyệt vời hơn cả cõi trời cõi Tiên, tinh xảo tận cùng thần quỷ tránh xa. Lại vì các Vương Tử-Công chúa, ở Tây Kinh xây dựng hơn hai mươi ngôi chùa như Tư Giới-Sùng Kính-Chiêu Phước-Phước Thọ. Liền truyền chiếu cho nội cung, mô phỏng theo di ảnh làm hình tượng bằng gốm thêu, cùng một quy cách đưa cao mười hai trượng, thấy nghe đều rất kinh hãi, rạng rỡ đời trước về sau không có, ngũ sắc rực rỡ xen nhau, lục văn phản chiếu qua lại, nhờ vào sự trang sức của tay nghề vốn có, miêu tả ánh trăng rằm bằng đôi kim khâu, xinh đẹp vượt qua màu sắc của nước Yên (Yên Đê), rực rỡ còn hơn gốm vóc của nước Thục (Thục Cẩm), vải che bày ra vẻ đẹp của chín loại hoa, lẫn lộn hàm chứa ánh

sáng của bảy tinh tú. Chuyển đến tại chùa Từ Ân, luôn luôn cúng dường đầy đủ, muôn việc hệ trọng quốc gia, lấy Bát Chánh Đạo làm tâm, tự mình suy tư vòng quanh ý Thánh, đích thân luyện tập nét bút thần kỳ, soạn ra văn bia chùa Đại Từ Ân-chùa Long Quốc và tự tay viết. Lộ rõ sâu xa ngưng thành tinh túy, nặng trĩu màu sắc lưu truyền ý vị, khắc vào đó đá quý sống mãi muôn đời, tiến hành phát huy nghĩa lý tận cùng, lau sạch đài gương hưởng về huyền diệu. Nhiều lần ban chiếu thư cho Tăng Nu đạo sĩ (Tri hoàng), kiểm tra tận cùng ngọn nguồn tên gọi giáo pháp, cứ mỗi lần tập trung luận bàn, đích thân tham dự để biết rõ ràng, cân nhắc quyết định sắp xếp đúng sai, sự việc tường tận tập trung mọi điều luận, đã tuyên bố làm xong với trời đất, đưa lên Thái Sơn khắc chạm giữ lại, những phẩm đức đến Thượng Huyền, xét công lao thuộc Đại Thánh. Thế là ban ra chiếu thư công bố, chỉ thị cho tất cả quân dân, các châu quận trong toàn lãnh thổ, mỗi nơi xây dựng một ngôi chùa, đều độ cho bảy người làm Tăng, tùy theo nơi nào có điếm lảnh, cần phải ghi lại ngày tháng ấy, xa gần nghe theo ý sử sách, tu dưỡng thiện nghiệp của Đế Vương, đạo pháp che phủ khắp đất nước, nhân nghĩa mọi loài đều lợi ích. Cảnh giác mắt nhìn đạo quán mà thờ cúng tôn trọng, công bố rõ ràng chùa chiền để giáo hóa rộng ra, ràng buột Chân-Tục, đầu tóm cổ-kim, không có triều đại nào thịnh vượng như thời Hoàng Đế của chúng ta. Năm thứ nhất niên hiệu Tống Chương, ban chiếu thư cho vùng tây Kinh lập ra thêm hai huyện Minh Đường-Càn Phong, dùng biển treo khen thưởng công đức ấy, truyền lại cho các thế hệ con cháu.

+ Ba thế hệ trên đây, trong cả nước có hơn bốn ngàn ngôi chùa, Tăng-Ni hơn sáu chục ngàn người, kinh tượng không biết bao nhiêu, kinh được dịch ra hơn một ngàn năm trăm quyển.

Phần thứ sáu: Lịch toán.

Tháng mười mùa Đông năm thứ 13 niên hiệu Trinh Quán-Đại Đường, ban sắc lệnh phái Thượng thư bộ Hình là Lưu Đức Uy-Thị lang là Lệnh Hồ Đức-Phần thị ngự sử là Vi Tông-Tư công Ung Châu là Mao Minh Tố..., hỏi Pháp sư Pháp lâm rằng: Dựa theo luận Biện Chánh quyển thứ 5 nói: “Diệu Trường Khiêm Lịch nói: Đức Phật giáng sinh vào năm Giáp Dần đời Chiêu Vương (nhà Chu), đến năm Nhâm Tý đời Mục Vương mới diệt độ”, tại sao trong truyện Pháp Hiển lại nói: “Giáng sinh vào thời Thánh Ân Vương”; tìm trong phần ký về Tượng Chánh thì nói: “Đức Phật giáng sinh vào thời Chu Bình Vương.” Dựa theo Tác Luận của Đạo An thì nói: “Xác thực vào thời Hoàn Vương”; Phí Trường Phòng làm việc ghi chép lại, kiên quyết nói là vào thời

Trang Vương. Tại sao truyền thuật trái ngược rối loạn không có nơi nào chính xác để có thể y cứ? Mong rằng nói rõ ràng đầy đủ về nguyên cơ xa gần, trước sau không như nhau!

Pháp sư trả lời rằng: Pháp Lâm nghe bậc Đại Thánh ứng thân giáng sinh, vốn mong mỗi làm lợi ích cho muôn loài, có cảm thì hiện thân tại thế gian, không có căn cơ nào không chăm chú nhìn đến. Vì vậy trong kinh nói: “Từ một âm thanh nói ra, tất cả đều tùy chủng loại mà hiểu rõ.” Luận về âm thanh đã như thế, nói đến Thể của ngôn ngữ cũng như vậy. Nhưng mà truyện ký đã trình bày, không phải là không có lý lẽ để phân tích. Nay Pháp Lâm chủ yếu căn cứ vào, chọn lấy nhiều luận thuật kia, tước hãy nêu ra sự chân thật, sau mới trình bày điều sai lạc ấy. Xin dựa theo Pháp sư Đàm Mô Tối của nước Ngụy-Pháp sư Thượng Thống của triều nhà Tề và các vị Tu Lịch Bác Sĩ-Diệu trưởng Khiêm..., căn cứ vào huyện Chu Mục Vương Thiên Tử, Chu Thư Dị Ký trước kia, lời tựa trang truyện Hán Lưu Hưởng Liệt Tiên, cùng hai bản sách cổ xưa, Hậu Hán Pháp Bản Nội Truyện, và các sách như Truyền Giáo Pháp Vương Bản Ký-Ngô Thượng Thư Lệnh Khám trạch..., theo đúng các kinh A Hàm, suy cứu tường tận ngọn nguồn, mong có được nơi y cứ chính xác!

Đức Phật đúng vào ngày 15 tháng bảy năm Quý Sửu, là năm thứ 23 tức vị (lên ngôi) của Chiêu Vương Hà, vĩ vua thứ 5 của triều đại Cơ Chu, hiện hình tướng voi trắng, từ cung trời Đâu Suất giáng trần, nhờ cung vua Tịnh Phạn, thọ trai trong bụng Hoàng hậu Ma Gia. Vì vậy trong Hậu Hán Pháp Bản Nội Truyện nói: “Minh Đế hỏi Pháp sư Ma Đằng: ngày tháng Đức Phật đản sanh có thể biết hay không? Ma Đằng nói: Đức Phật vào ngày 15 tháng bảy năm Quý Sửu thác thai trong bụng Hoàng Hậu Ma Gia.” Chính là năm này vậy. Ngày mồng 8 tháng 4 năm Giáp Dần, là năm thứ 24 thời Chiêu Vương, dưới tán cây Ba La ở trong vườn Lam Tỳ, từ hông bên phải mà đản sanh. Vì vậy trong kinh Phổ Diệu nói: “Phóng ánh sáng rộng lớn soi chiếu tất cả ba ngàn thế giới.” Tức là trong Chu Thư Dị Ký nói: “ngày mồng 8 tháng 4 năm Giáp Dần, năm thứ 24 thời Chiêu Vương, sông suối ao hồ bỗng nhiên ngập tràn và cùng chảy tràn ra ngoài, cung điện nhà cửa-người vật-núi sông mặt đất thủy đều chấn động. Đêm ấy lại có luồng ánh sáng năm màu, đi xuyên qua Thái Vi bao phủ khắp nơi phía Tây, tất cả đều trở thành màu xanh đỏ rực rỡ. Chiêu Vương liền hỏi Thái Sử To Do rằng: Là điềm lành gì vậy? Tô Do thưa: Có bậc Đại Thánh Nhân đản sanh tại phía Tây, cho nên hiện ra điềm lành này. Chiêu Vương nói: Đối với thiên hạ như thế

nào? Tô Do thưa: Ngay lúc này không có gì khác, đến hơn một ngàn năm thì giáo pháp danh tiếng che phủ nơi này. Chiêu Vương liền sai người khắc lên đá ghi nhớ điều ấy, chôn ở phía trước đền thờ Thiên Thần Nam Giao. Đức Phật đản sanh chính là năm này. Vào ngày mồng 8 tháng 4 năm Nhâm Thân, tức là năm thứ 4 hai thời Chiêu Vương, nửa đêm vượt hoàng thành xuất gia. Vì vậy trong kinh Tụy Ứng nói: “Thái Tử vào năm 19 tuổi, giữa đêm khuya của ngày mồng 8 tháng 4, có người cỡi trời ở trong khung cửa chấp tay thưa rằng: Giờ đã đến có thể đi rồi! Nhân đó truyền đem ngựa lên đường.” Chính là năm này vậy.

Ngày mồng 8 tháng 2 năm Quý Mùi, tức là năm thứ hai thời Mục Vương Mãn, vị vua thứ 6 của triều đại nhà Chu, Đức Phật thành đạo năm ba mươi tuổi. Vì vậy trong kinh Phổ Diệu nói: “Vào lúc sao Mai xuất hiện thì Bồ Tát giác ngộ vô cùng thông suốt.” Chính là năm này vậy. Ngày 15 tháng 2 năm Nhâm Thân, tức là năm thứ 5 hai thời Mục Vương, Đức Phật 79 tuổi, mới bắt đầu diệt độ. Vì vậy trong kinh Niết bàn nói: Ngày 15 tháng 2 lúc sắp Niết bàn, phát ra các loại ánh sáng, mặt đất chấn động, tiếng vang lên đến cỡi trời Hữu Đảnh ánh sáng phủ khắp ba ngàn thế giới.” Ngay trong Chu Thư Dị Ký nói: “Sáng sớm ngày 15 tháng 2 năm Nhâm Thân, là năm thứ 5 hai thời Mục Vương lên ngôi, gió mạnh bỗng nhiên nổi lên làm tan tác nhà cửa con người, làm gãy cây cối, núi sông đất đai thủy đều chấn động, buổi chiều trời phủ kín mây đen, phía Tây có mười hai đường cầu vồng hiện rõ, nối thông từ Nam qua Bắc, suốt đêm không phai nhạt. Mục Vương hỏi Thái sử Hộ rằng: Là dấu hiệu gì vậy? Hộ Đa thưa rằng: Phía Tây có bậc Đại Thánh Nhân diệt độ, hiện rõ ra tướng suy vong mà thôi.”

Đức Phật nhập Niết bàn chính là năm này. Bắt đầu từ lúc ứng thân đản sanh vào năm Hiáp Dần, tức là năm thứ 24 thời Chiêu Vương nhà Chu đến bây giờ, tính tổng quát năm tháng đến năm Kỷ Hợi là năm thứ 2 niên hiệu Hàm Hanh nhà Đại Đường hiện nay, chính xác đã trải qua 1600 năm. Lại tính đến năm thứ 3 niên hiệu Càn Phong nhà Đại Đường thì thêm mười chín năm; thuận theo trước thì toàn bộ có một ngàn sáu trăm ba mươi bảy năm. Lại tích từ năm thứ ba niên hiệu Càn Phong đến năm Quý Hợi là năm thứ 11 niên hiệu Khai Nguyên, trải qua năm mươi lăm năm; thuận theo trước tính tổng quát là một ngàn sáu trăm chín mươi hai năm.

Còn dựa theo Vương Huyền Sách Tây Vực Hành Truyện nói: “Đại đức Tăng Xa Na Khứ Tuyến Đà-chùa Bồ đề-nước Ma Già Đà dựa vào kinh tính toán đưa ra rằng: Bồ Tát Thích Ca đến năm 19 tuổi, đầu

đêm của ngày 15 tháng 4 vượt khỏi cung thành, đến năm 30 tuổi thành đạo, đến năm 79 tuổi nhập Niết bàn. Từ đó đến nay tính vào năm thứ 2 niên hiệu Hàn Hanh, xem ra mới có 1.395 năm (bởi vì tính theo lịch của Tây quốc cùng với Trung Hoa không giống nhau, dài ra-ngắn lại có sai khác, trước đưa ra thì đúng-sau thuật lại thì không đúng). Nay dựa theo truyện Pháp Hiển nói: “Bậc Thánh giáng sinh vào thời Ân Vương”; thì chỉ vì Pháp Hiển tuy là đi trải qua các nước khác, nhưng truyện chưa có thể y cứ, năm tháng khác biệt-phong tục cách xa, thật sự là không thể tin được. Còn hai thuyết khác là Đạo An nói năm Ất Sửu-Thượng Thống nói năm Giáp Dần, đều không có gì làm chứng cứ, không đủ để lấy làm đúng. Còn phần ký về Tượng Chánh thì ít thấy dựa vào chứng cứ. Đạo An làm tập luận dựa vào tập ký của La Thập, tập ký của La Thập thì nhờ vào An Thế Cao. An Thế Cao thì vào thời Hán Hoàn Đế, ở tại lạc Dương người phiên dịch tin tưởng cầm bút viết, căn cứ và thời Hoàn Đế. Nhưng La Thập vào thời nhà Tần mới đến, An Thế Cao đến trước thời nhà Hán, hai Sư cách biệt nhau gần ba trăm năm, tin theo sự kế thừa với nhau và dựa vào đó mà làm tập ký, chứ không phải là luận của Đạo An, chỉ vì sơ suất vội vàng mà trình bày sai lạc, đều do lỗi của người truyền bá lúc bấy giờ. Còn thuận theo Học sĩ phiên dịch kinh điển là Phí Trường Phòng nói: “Đức Phật đản sanh vào thời Trang Vương”; Trường Phòng lấy 2 Trang cùng chung thế hệ, Chu Trang năm thứ 10 thì Lỗ Trang vào năm thứ 7. Nhưng căn cứ vào thời gian năm tháng mà nói Đức Phật đản sanh, thì chưa hiểu được thời gian năm tháng, phân biệt là nhờ vào những sự việc khác.

Còn dựa theo kinh Văn Thù Sư Lợi Niết bàn nói: “Sau khi Đức Phật diệt độ, hai trăm năm mươi năm sau, Văn Thù vào trong Tuyết Sơn, hóa độ năm trăm Tiên nhân xong, trở về lại trú xứ của mình phóng ra ánh sáng rộng lớn, soi chiếu khắp mọi thế giới mà nhập Niết bàn.” Điều lành về thời gian năm tháng, chính là lúc ấy. Phí Trường Phòng nói đản sinh ngày mồng 8 tháng 2, đó chính là tháng 4 chứ không phải là tháng 2. nhưng Trường Phòng đã phân định chưa đến cội nguồn cuối cùng của sự việc, Trường Phòng nói: “Nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng Giêng. Nói tháng 4 thì hiện tại là tháng 2. tuy nói tháng 2 nhưng cuối cùng là tháng 4.” Dựa theo một bộ Xuân Thu, năm sử dụng theo năm của Lỗ Hâu, tháng thì chọn lấy tháng của Chu Vương, tinh tú vốn báo điềm ở thời nhà Chu, thì cần phải dựa vào ngày tháng của nhà Chu. Trường Phòng mới nói: “Đức Phật đản sanh ngày mồng 8 tháng 4 năm thứ 10 thời Trang Vương.” Điều này thật là hết sức tùy tiện. Nếu như

là tháng 2 thì không nên luận đến tinh tú. Trường Phòng lại nói: “Đức Phật giáng trần thác thai vào ngày mồng 8 tháng 4.” Thời gian thác thai đã sử dụng tháng của nhà Chu thì ngay lúc đản sanh vẫn là ngày của nhà Chu, nay nói tháng 2 thì cũng không đúng. Nếu nhà Chu lấy tháng 11 làm tháng Giêng, thì Như Lai không thể nào đản sanh vào tháng 11, người bình thường mang thai vào tháng Giêng thì tháng 10 sanh ra, mang thai tháng 4 thì tháng Giêng sanh ra, Đức Phật cũng giống như thế gian, vì vậy mang thai tháng 7 chính là tháng 4 sinh ra. Trong Vương Thiệu Tề Chí nói: “Tháng 4 của nhà Chu, là tháng 6 của mùa hạ”. Lấy điều này mà suy ra, thì tháng 4 đản sinh, là tháng 7 mang thai. Nay nói tháng 6, chọn lấy tiết khí ấy, tuy thọ thai tháng 7, nhưng cuối cùng thuộc về tháng 6. tin là Vương Thiệu đã nói không sai. Còn Trường Phòng nói: “Đức Phật thành đạo vào lúc sao Mai xuất hiện thuộc tháng 2 năm Quý Hợi, là năm thứ 19 thời Chu Huệ Vương.” Điều này cũng có nhiều sai lầm. Vì sao? Bởi vì dựa theo Lưu Hưởng Liệt Tiên và hai bản sách cổ xưa nói: “Thời Chu Huệ Vương đã dần dần xuất hiện Phật giáo, 105 năm sau Lão Tử mới nói ra Ngũ Thiên Văn.” Nếu vào thời Chu Huệ Vương mới thành tựu Phật đạo, thì không phù hợp với kinh giáo đã truyền đến Kinh Lạc. Còn tính ra thì Huệ Vương tức là đời cháu của Trang Vương, lấy năm Quý Hợi suy ra thì cách nhau chỉ có ba mươi năm, không phù hợp với điều kiện mới được thành Phật mà kinh pháp đã truyền đến nơi này. Tìm trong bốn mươi chín năm Như Lai giáo hóa thế gian, Ca Diếp kết tập vào sau khi Đức Phật diệt độ, pháp môn dần dần truyền về phương Đông, chính là vào thời nhà Chu, lời của Lưu Hưởng đích thực không phải là sai lầm. Tập lục của Trường Phòng chắc chắn không có thể dựa vào, rõ ràng là bậc Thánh ứng hiện không có phương hướng xứ sở, lý khó mà suy đoán được, hướng là Đông-Tây xa vời, năm tháng dài lâu? Lại gặp phải thời kỳ nước tranh chấp ngang dọc, nhà Tần đốt 5 sách làm chuẩn mực, người có tuổi tác thì không thiếu, nhưng thứ tự Đế Vương trải qua thì nhiều người, mà phát sinh sai lạc trái ngược lẫn nhau, thêm bớt chìm nổi, đều là ý của thầy mình, đều cho là kim chỉ nam thực sự. Nay Pháp Lâm sơ lược kể ra những điều thấy nghe tường tận trong các sử sách văn điệt, tóm tắt có những điều xa gần bày tỏ chính xác trước sau.

Nhân duyên cảm ứng.

Sơ lược dẫn ra ba chuyện: 1- Nói về ý Tam bảo cảm thông linh ứng tốt lành; 2- Nói về ý hậu Hán Minh Đế cảm thông ban đầu; 3- Nói về ý Sa môn Cầu Na thời nhà Tống cảm thông thay đổi đầu của mình.

1. Rằng bảo vệ mở rộng Tam bảo đều có giữ gìn của nhà chức trách, hai vị trí của Phật và Tăng, biểu hiện cho thầy trò có sự tùy thuận; một môn thanh giáo, hiển bày cho sự cảm hóa dẫn dắt linh thân phù hợp. Vì vậy Phật và Tăng thuận theo căn cơ, duyên vào sự thấy biết mà ẩn hiện; pháp vì trừ diệt khổ đau, đợi lúc chướng ngại không còn mà thường đến. Vì lẽ đó câu kệ xả thân, luôn luôn nêu ra ngôn ngữ văn từ ở vách núi cao vút để lại giáo pháp, toàn bộ quy tập nằm ở cung điện loài rồng. Thật sự là ba ngôi Thánh đáng kính trọng, nhờ vào sự chú ý khôi phục vô cùng vất vả; hai cõi âm dương đội ân, vui mừng yên lặng được pháp thuật tốt lành xoay chuyển. Cho nên thọ trì đọc tụng chắc chắn giáng xuống điềm lành, như thuyết mà tu hành thì không có gì không cảm ứng thông suốt. Việc đã qua ở Thiên trúc hần nhiên hiển hiện thường bàn đến, duyên trông thấy ở Chấn Đán rất nhiều cũng luôn luôn xuất hiện. Người đức hạnh đi đường ôm kinh lao vào ngọn lửa, lửa ngàn ngụt tắt mà kinh pháp và thân thể không thương tổn. Bọn giặc trộm cắp kinh điển ở phòng khách, đã nặng mà không đưa lên được. Hoặc tất cả tạng kinh bay vút lên bầu trời cao, hoặc hiện rõ điềm lành cho vua quan trông thấy, hoặc bẫy nạn do đó mà được tiêu trừ, hoặc hai mong cầu nhờ đó mà thành tựu, rất nhiều sự việc như vậy, không kể ra thì khó được nghe, có lẽ thuận theo sự lưu truyền ghi lại, dùng để nói rõ cho những thế hệ sau này, bởi vì trong kinh không nói điều ấy, cho nên vì người tin tưởng thì thực hiện, nghi ngờ thì không nói đến. Thậm chí như đá tách ra mũi tên bay vào, tâm quyết định đến mức như vậy, nước chảy băng tan, tình ý nghi ngờ lập tức đoạn hết, những điều này hãy còn được thế tục thường lưu truyền, huống là hàng trí tuệ nhanh nhạy chú trọng pháp không, đạo hạnh vượt lên trên những pháp có, do tâm lượng mà hướng về, cùng tận nơi sâu xa nhất hay sao? Nghiệp lực nhân duyên, như bóng theo hình, chỉ có điềm lành, phù hợp để tồn tại, nghĩa chẳng che giấu, cho nên kể ra mà quy tập lại. Nhưng tìm đọc những sự việc trước đây, sự việc trích từ trong truyện ký, ghi lại điều quái lạ cùng với điềm lành sâu kín, ca ngợi sự kỳ lạ cùng với hiện tượng cảm ứng. Những điều này nhiều lắm, đây đủ có thể xem. Sợ rằng lời văn ấy khó tin được, cho nên lại khuyến khích kính trọng hơn.

2. Trong thung lũng Đạt Lệ La là kinh đô cũ của nước Ô Trương Na có ngôi Già lam to lớn, mặt bên có tượng Từ Thị khắc gỗ, cao hơn một trăm thước, dung mạo vàng rực sáng chói, đài gương linh thiêng ngậm thông suốt. Có vị Pháp La Hán tên gọi Mạt Điền Đế Ca, dẫn theo người thợ khéo tay, lên cõi trời Đổ Sử Đa, đích thân nhìn thấy sắc tướng diệu

kỳ, trong ba lần đi lại thì công việc hoàn thành. Từ lúc có pho tượng này xuất hiện, thì giáo pháp dần dần truyền đến phương Đông, xứ sở của Viêm Hán. Trong Minh Đế Nội Ký nói: “Vĩnh Bình năm thứ 7 thuộc Giáp Tý, vào đêm khuya tháng 9 mùa Thu, Minh Đế mộng thấy người thần, thân cao trượng sáu, khuôn mặt màu vàng ròng sáng rực, đỉnh đầu có ánh sáng như mặt trăng-mặt trời, bay đi tự tại khi ẩn khi hiện không có gì trở ngại. Sáng hôm ấy hỏi các quan, tất cả đều chúc mừng điềm lành hiếm có. Tùy tùng của Thái Tử ở Đôn Hoàng là Phó Nghị tâu bày rõ ràng: Hạ thần nghe nói ở nước ngoài, có Thái Tử con vua ịnh Phạn, hiệu là Tất Đạt Đa, rời bỏ địa vị Chuyển Luân Vương, xuất gia thành đạo danh hiệu là Thích Ca Văn, bệ hạ mộng thấy mà tỉnh giấc, thì sắp có điềm cảm ứng. Liền truyền cho sứ giả đi về phía Tây, trải qua hơn 40 nước, đến kinh đô Xá Vệ. Gặp vị Tăng nói: Đức Phật diệt độ đã lại. Thế là chép cho 605.000 lời Thánh giáo, theo ngựa trắng mang trở về. Đường đi qua những núi non hiểm trở, lương thực cạn hết, những người tùy tùng đều chết dọc đường, ngựa trắng càng mạnh mẽ dùng sự thần dị tốt đẹp của mình, mang kinh về đến nơi. Vì vậy xây dựng chùa Bạch Mã ở tại Lạc Dương. Kinh giáo chân thật từ phương Tây truyền đến làm đầu, ánh sáng Phật pháp soi chiếu nơi u tối của phương Đông được bắt đầu. Ngay sau đó thanh giáo thấm nhuần khắp nơi nhanh chóng trở thành rừng phước, làm gió hành thiện mở rộng làm phấn chấn lòng người, mạch nguồn quan trọng này thật sự được xây dựng từ buổi sáng hôm ấy.” Trong Chu Thư cũng nói: “Thân trượng sáu tựa như màu đồng sáng, lấy làm sự sai biệt như vậy, thật sự tâm cảm chưa thuần thực, cho nên giáo pháp sau này mới truyền đến.”

3. Thời nhà Tống có Sa môn Cầu Na Bạt Đà La, Trung Hoa gọi là Công Đức Hiền, ở chùa Trung Hưng tại kinh sư. Người nước Trung Thiên Trúc, tuổi nhỏ học các luận Ngũ Minh và những chú thuật âm dương, không có gì không uyên bác. Sau khi xuống tóc, dốc lòng tập trung chí hướng học hành thông suốt ba Tạng giáo pháp, là người hiền hòa cung kính và cẩn thận, thờ thầy vô cùng lễ nghi. Về sau từ giã vị thầy Tiểu thừa, tiến vào học theo pháp Đại thừa. Vị thầy Đại thừa thử khấn tìm lấy hộp kinh, thì lập tức lấy được kinh Hoa Nghiêm-Đại Phẩm. Vị thầy khen ngợi rằng: Ông có duyên sâu dày đối với Đại thừa. Ngay sau đó giảng giải đọc tụng truyền bá mở rộng, không có ai có năng lực chống nổi những lý giả sắc bén ấy. Vào năm thứ 1hai thời Tống Nguyên Gia, đến vùng Quảng Châu, Thử sử Xa Lăng dâng biểu tâu bày, Tống Thái Tổ phái người tin cẩn nghênh tiếp. Đã đến kinh đô, Thái Tổ cùng

chuyện trò qua lại, vui vẻ như trút hết lòng dạ. Ban đầu trú tại chùa Kỳ Hoàn, sau đó Tiêu Vương trấn giữ Kinh Châu, thỉnh cầu đến ở chùa trong vùng Kinh Châu, Tiêu Vương muốn thỉnh cầu phiên dịch các kinh như Hoa Nghiêm..., nhưng Bạt Đà tự suy nghĩ, mình chưa thông thạo tiếng nói và từ ngữ của người Tống, vì thế trong lòng có sự hổ thẹn thở than. Liền sớm tối lễ sám thỉnh Quán Thế Âm cầu xin cảm ứng sâu xa, tức thì mộng thấy có người mặc đồ trắng cầm gương, tay nâng một chiếc đầu người đi đến trước mặt nói rằng: Tại vì sao lo buồn vật? Bạt Đà đem tất cả sự việc để trả lời rõ ràng. Người mặc đồ trắng trả lời rằng Không có gì phải lo buồn. Liền dùng gương thay đổi chiếc đầu mà lắp vào chiếc đầu mới, nói khiến cho xoay chuyển. Lại nói: Cảm thấy không đau đớn gì chăng? Đáp rằng: Không đau đớn gì. Bỗng nhiên liền tỉnh giấc, tâm tư thần thái vô cùng vui vẻ thoải mái. Sáng hôm ấy vượt lên trên nghĩa lý nói năng lĩnh hội đầy đủ ngôn ngữ của người Tống, thế là bắt đầu làm việc. Gần cuối thời Nguyên Gia, Tiêu Vương nhiều lần mộng thấy có những điều quái lạ, bèn hỏi xem thế nào. Bạt Đà đáp rằng: Kinh đô sắp xảy ra tai họa. Không đầy một năm, kẻ cầm đầu gây tội ác tạo phản làm cho loạn lạc. Đến đầu thời Tống Hiếu Kiến, Tiêu Vương âm mưu chống lại, Bạt Đà lo buồn tiêu tụy dung nhau, chưa kịp nói ra thì Tiêu Vương hỏi lý do điều ấy. Bạt Đà can ngăn vô cùng thiết tha, thế là rơi nước mắt nói rằng: Chắc chắn không còn gì mong mỏi, bần đạo không có thể ở lại, không được làm người tùy tùng nữa. Tiêu Vương lấy cái lễ của sự vật mà tin theo. Thế là lập tức rời xa Tiêu Vương, đến chốn Lương Sơn, thuyền lớn chuyển sang mát thẳng bằng, đi đến vách đá dựng đứng xa tít, xem ra không có cách nào cứu nổi, chỉ dốc lòng niệm Quán Thế Âm, tay cầm gậy rtúc, lao thân vào giữa dòng sông, nước đến ngang đầu gối, dùng gậy trúc dò thử dòng nước, dòng nước chảy xiết rất dữ, thấy một Đồng tử theo sau mà đến, đưa tay kéo lại. Quay lại nhìn nói với Đồng tử: Cậu là trẻ thơ sao có thể vượt qua mà đến, đưa tay kéo lại. Quay lại nhìn nói với Đồng tử: Cậu là trẻ thơ sao có thể vượt qua được tôi? Mơ màng trong chốc lát cảm thấy đi được hơn mười bước, thì lên được trên bờ, liền cỡi ca ra muốn thưởng cho Đồng tử, nhưng quay lại nhìn không còn thấy đâu nữa, toàn thân nổi gai ốc mới biết là nhờ thần lực mới như vậy. Sau ở tại phía Tây lầu Phụng Hoàng thuộc vùng Mạt Lăng dựng lên ngôi chùa, cứ mỗi khi đến nửa đêm thì có tiếng đẩy cửa mà gọi, nhìn xem không thấy người nào, mọi người nhiều lần mộng thấy điều quái lạ nên rất sợ hãi. Bạt Đà đốt hương chú nguyện rằng: Các người túc duyên ở tại nơi này, nay tôi dựng

chùa hành đạo lễ sám, thường vì các người, nếu như ở lại thì làm thiện thân bảo vệ chùa chiền, nếu như không có thể ở lại được thì tất cả tùy theo nơi chốn đều được an ổn! Sau đó đạo tục hơn mười người, cùng một đêm mộng thấy mấy ngàn quỷ thần, đều gánh gồng chuyển đi nơi khác, mọi người trong chùa được yên ổn. Chùa Bạch Tháp ở vùng Đào Hậu Chử bây giờ, chính là nơi ấy.

Tụng rằng:

*Cúi đầu lễ chư Phật,
 Nguyên cầu uy thần che chở,
 Nay con chân thành cầu thỉnh,
 Mê hoặc gây nhiều lầm lỗi,
 Chìm trong tăm tối chưa tỉnh,
 Quay về giác ngộ hoàn toàn,
 Từ lâu sa vào biển ái,
 Thuyền bè xa vời hiểm gập,
 Tranh nhau chấp trước sai lầm,
 Hòa hợp là nơi nương tựa,
 Lìa sâu xa chọn lấy Có,
 Đoạn tuyệt cách biệt chân lý,
 Kiêu mạn trái tám Chánh Đạo,
 Hý luận tiến vào bách phi,
 Cùng bỏ biện giải sai trái,
 Nhiễm-tịnh lẫn lộn sâu xa,
 Chọn vàng gạt bỏ gạch đá,
 Giữa ngọc trừ hết vết dơ, Đấng
 Năng Nhân soi xét khắp, Suy
 nghĩ tường tận căn cơ,
 Phù hợp thành tựu Đại đạo,
 Chân thành nào dám chê bai,
 Thăng thấn sùng kính đức hạnh,
 Suy sụp vâng dạ phục tùng,
 Chỉ nguyện giữ lại công đức,
 Chúc mừng có dịp phát huy,
 Lòng thành mong mỗi xót thương,
 Từ Bi rủ lòng dạy dỗ,
 Thu thập Thánh giáo diệu kỳ,
 Biên soạn những điều quan trọng,
 Mười năm mới thành công việc,*

*Ba nghiệp mệt mỏi vất vả, Mong truyền cho
thế hệ sau, Nghe qua biết được căn cơ, Tám tà
chấm dứt tranh chấp, Bốn câu vắng bật sai
lầm, Bỏ mê hoặc giữ niềm tin, Huân tập thành
trí sâu xa,
Chúng sanh cùng chung cảm ứng, Nguyện cùng
chứng quả Bồ-đề.*

